

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2012



CÔNG TY CỔ PHẦN TASCÓ

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần Tasco
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0600264117 (Số cũ: 0103021321) do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 26/12/2007, thay đổi lần 7 ngày 17/5/2012)
- Vốn điều lệ: 349.976.000.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 349.976.000.000 đồng
- Địa chỉ: Tầng 4, Tòa nhà M5, Số 91 Nguyễn Chí Thanh, Quận Đống Đa, Hà nội
- Số điện thoại: 04. 3773 8558
- Số fax: 04. 3773 8559
- Website: <http://taric.com.vn/>
- Mã cổ phiếu: HUT

2. Quá trình hình thành và phát triển

2.1. Thành lập Doanh Nghiệp:

Công ty Cổ phần Tasco nguyên là một doanh nghiệp Nhà nước được thành lập từ năm 1971 với tên gọi là Đội cầu Nam Hà và hoạt động trong lĩnh vực xây dựng hạ tầng giao thông. Cùng với sự thay đổi về địa giới hành chính cũng như quá trình đổi mới về quản lý các doanh nghiệp nhà nước của Chính phủ, Công ty có các tên gọi sau:

- + Năm 1976 Công ty Cầu Hà Nam Ninh trên cơ sở sát nhập với Xí nghiệp xây dựng Cầu đường Ninh Bình.
- + Tháng 4/1992 là Công ty Công trình Giao thông Nam Hà.
- + Tháng 1/1997 là Công ty Công trình Giao thông Nam Định.
- + Tháng 11/2000 Công ty tiến hành cổ phần hoá, từ doanh nghiệp Nhà nước chuyển sang hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần theo Quyết định số 2616/2000/QĐ-UB ngày 20/11/2000 của UBND tỉnh Nam Định và mang tên Công ty cổ phần giao thông cơ sở hạ tầng Nam Định.
- + Ngày 01/01/2002 Công ty đổi tên thành Công ty cổ phần xây dựng hạ tầng Thành Công.
- + Ngày 11/11/2003, Công ty sát nhập và trở thành Công ty liên kết của Tập đoàn Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị (HUD).
- + Ngày 15/12/2003 Công ty đổi tên thành Công ty cổ phần Thành Công.
- + Ngày 26/12/2007 Công ty đổi tên thành Công ty cổ phần Tasco, được Phòng đăng ký kinh doanh của Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh tại địa chỉ trụ sở chính: Tầng 3 toà nhà B15 khu đô thị mới Đại Kim, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội.

+ Ngày 26/1/2010, Công ty chuyển tới văn phòng trụ sở chính mới tại Tầng 33, Tòa nhà M5, Số 91 Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội (*Thông báo chuyển đổi trụ sở chính và thay đổi Giấy phép Đăng ký kinh doanh số 15/TB-TASCО ngày 26/1/2010*)

+ Ngày 17/5/2012, Công ty chuyển tới văn phòng trụ sở chính mới tại Tầng 4, Tòa nhà M5, Số 91 Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội (*Thông báo chuyển đổi trụ sở chính và thay đổi Giấy phép Đăng ký kinh doanh số 95/TB-TASCО ngày 17/5/2012*)

2.2. Quá trình cổ phần hóa doanh nghiệp

Tháng 11/2000, đánh dấu một bước ngoặt lớn trong tiến trình phát triển của Công ty. Công ty đã tiến hành cổ phần hóa, từ Doanh Nghiệp Nhà Nước chuyển sang hoạt động theo mô hình Công ty Cổ Phần (Quyết định số 2616/2000/QĐ-UB ngày 20/11/2000 của UBND tỉnh Nam Định).

2.3. Quá trình niêm yết và tăng vốn điều lệ của Doanh Nghiệp

Tháng 4/2008, 5,5 triệu cổ phiếu của Công ty chính thức được giao dịch trên Trung Tâm GDCK Hà Nội HASTC với mã cổ phiếu HUT, khẳng định vị thế của TASCО trong tiến trình hội nhập kinh tế thế giới.

Kể từ khi chuyển đổi sở hữu từ Doanh Nghiệp Nhà Nước sang Công ty Cổ Phần đến nay, Công ty đã thực hiện 05 đợt tăng vốn điều lệ nhằm mục đích mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư vào các dự án như sau:

Quá trình tăng vốn điều lệ

(Đơn vị: Triệu đồng)

Thời gian	Vốn điều lệ tại từng thời điểm	Giá trị tăng thêm tại từng thời điểm	Phương thức tăng vốn điều lệ
Khi cổ phần hoá	7.000		
Lần 1 04/2003 (Theo NQ ĐHĐCĐ ngày 11/04/2003)	10.000	3.000	Chia cổ phiếu thưởng từ quỹ đầu tư phát triển cho cổ đông hiện hữu
Lần 2 04/2003 (Theo NQ ĐHĐCĐ thường niên lần 2 ngày 11/04/2003 và NQ ĐHĐCĐ bất thường ngày 02/11/2003)	16.000	6.000	+ Phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu và cán bộ công nhân viên. + Chia cổ phiếu thưởng từ quỹ đầu tư phát triển cho cổ đông hiện hữu.

<p>Lần 3 06/2007- 08/2007 (Theo NQ ĐHĐCĐ ngày 02/06/2007)</p>	<p>55.000</p>	<p>39.000</p>	<p>Phát hành riêng lẻ: - Phát hành cho cổ đông hiện hữu (**) + Chia cổ phiếu thưởng từ quỹ đầu tư phát triển cho cổ đông hiện hữu theo Danh sách cổ đông chốt tại ngày 01/01/2007: số lượng 263.458 cổ phần, mệnh giá 10.000 đồng. + Phát hành quyền mua cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 1:1 theo Danh sách cổ đông chốt tại ngày 10/05/2007: số lượng 1.586.564 cổ phần, mệnh giá 10.000 đồng. Phát hành cho những người ứng vốn cho dự án xử lý rác thải TP. HCM: 350.000 cổ phần, mệnh giá 10.000 đồng Phát hành cho đối tác chiến lược: 700.000 cổ phần, mệnh giá 10.000 đồng - Phát hành cho cán bộ chủ chốt trong Công ty và các Công ty con: 999.978 cổ phần, mệnh giá 10.000 đồng</p>
<p>Lần 4 12/2009 (Theo NQ ĐHĐCĐBT số 02/2009/NQ- ĐDHCD ngày 18/7/2009)</p>	<p>135.000</p>	<p>80.000</p>	<p>- Phát hành riêng lẻ: + Phát hành 5.500.000 cổ phần cho cổ đông hiện hữu với mức giá 10.000 đồng/CP theo tỷ lệ 1:1 + Phát hành 2.225.000 cổ phần cho cổ đông chiến lược với mức giá 13.500 đồng/CP - Phát hành cho cán bộ chủ chốt trong Công ty và các Công ty con: Phát hành 275.000 cổ phần cho cán bộ, nhân viên trong Công ty với giá phát hành 12.000 đồng/CP</p>
<p>Lần 5 3/2010 (Theo NQ ĐHĐCĐ số 01/2010/NQ- ĐHCD ngày 31/3/2010)</p>	<p>350.000</p>	<p>215.000</p>	<p>- Phát hành riêng lẻ: + Phát hành 13.500.000 cổ phần cho cổ đông hiện hữu với mức giá 10.000 đồng/CP theo tỷ lệ 1:1 + Phát hành 3.225.000 cổ phần cho cổ đông chiến lược với mức giá 14.000 đồng/CP + Phát hành 675.000 cổ phần cho cán bộ nhân viên văn phòng Công ty với giá phát hành 12.000 đồng/CP - Đấu giá ra bên ngoài: Phát hành 4.100.000 cổ phần với giá bình quân 22.307 đồng/cổ phiếu.</p>

2.4. Các sự kiện khác

Tính đến nay, Công ty đã có bề dày truyền thống hơn 40 năm hoạt động trong lĩnh vực xây dựng cơ sở hạ tầng. Bằng năng lực và tính chuyên nghiệp cao, Công ty đã tạo lập và xây dựng thương hiệu TASCО trở thành một thương hiệu mạnh trong lĩnh vực xây lắp và kinh doanh bất động sản với một số thành tựu tiêu biểu sau:

- + Cờ khen thưởng của Chính phủ, tặng cho TASCО – đơn vị xuất sắc năm 2008
- + Cờ khen thưởng của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam
- + Giải thưởng chất lượng Việt Nam năm 2004
- + Giải thưởng chất lượng Việt Nam năm 2005
- + Giải thưởng chất lượng Việt Nam năm 2006
- + Giải thưởng chất lượng Việt Nam năm 2007
- + Siêu cúp Thương hiệu mạnh và Phát triển bền vững
- + Cúp vàng Thương hiệu nổi tiếng vùng duyên hải đồng bằng Bắc bộ
- + UBND Thành phố Hà Nội tặng cờ thi đua cho Công ty cổ phần Tascο - Đơn vị xuất sắc năm 2010
- + Cúp “Thánh Gióng” cho doanh nhân tiêu biểu, ông Phạm Quang Dũng, Chủ tịch HĐQT Công ty CP TASCО
- + Ông Phạm Quang Dũng - Chủ tịch HĐQT Công ty CP Tascο được Chủ tịch nước trao tặng Huân chương lao động hạng 3 năm 2011 vì những cống hiến cho sự nghiệp xây dựng CNXH và bảo vệ Tổ quốc trong suốt quá trình công tác
- + Ông Phạm Quang Dũng - Chủ tịch HĐQT Công ty CP Tascο là 1 trong 24 doanh nhân tiêu biểu được vinh danh tại giải thưởng E&Y 2011 - giải thưởng danh giá cho các doanh nhân xuất sắc của Việt Nam có quá trình phấn đấu bền bỉ, vượt qua khó khăn để thành lập, xây dựng và phát triển đất nước.
- + Và nhiều bằng khen, giải thưởng có giá trị khác,...

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

3.1. Ngành nghề kinh doanh:

- Xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật, san lấp mặt bằng;
- Kinh doanh phát triển nhà ở; kinh doanh bất động sản; cho thuê văn phòng, nhà ở, nhà xưởng;
- Kinh doanh khai thác công trình kết cấu hạ tầng;

3.2. Địa bàn kinh doanh: Chủ yếu tại các tỉnh miền Bắc (Hà nội, Nam Định, Thái Bình, Hưng Yên, Lào Cai,...) và một số tỉnh của miền Nam.

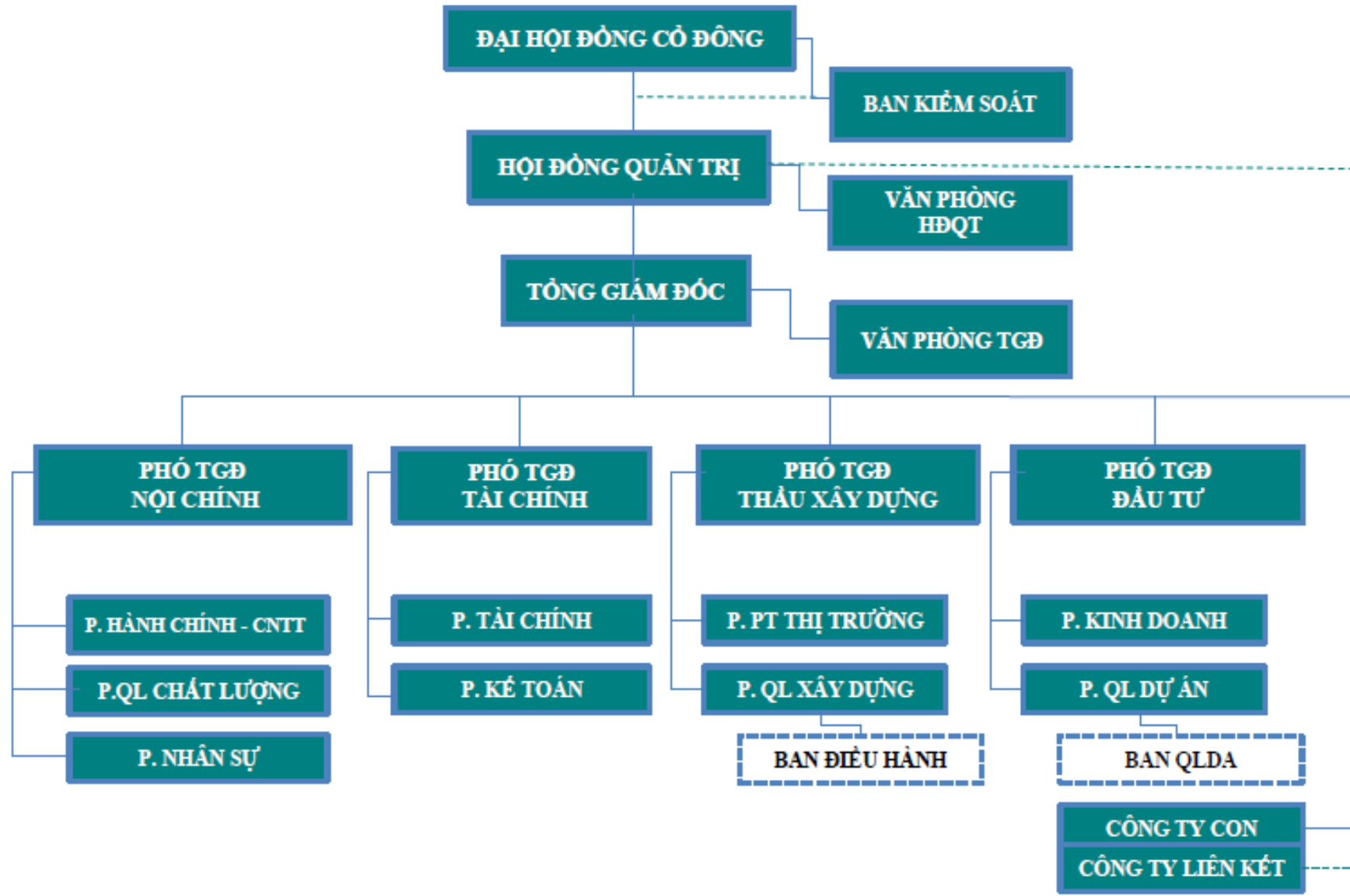
4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

4.1. Mô hình quản trị:

Mô hình quản trị bao gồm: Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Văn phòng Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc do Hội đồng Quản trị bổ nhiệm.

4.2. Cơ cấu bộ máy quản lý.

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO



4.3. Các Công ty con, Công ty liên kết

Các Công ty con của TASC0

(Đơn vị tính: triệu đồng)

STT	Tên Công ty	Vốn chủ sở hữu tại 31/12/2012	TASC0	
			Mức vốn góp	Tỷ lệ vốn góp (%)
1	Công ty Cổ phần Xây dựng Tasco	170.041	152.891	89,91%
2	Công ty Cổ phần Tasco Thành Nam	6.000	3.060	51%
3	Công ty Cổ phần Tasco Nam Thái	76.551	53.326	69,66%
4	Công ty TNHH một thành viên TASC06	50	50	100%
	TỔNG CỘNG	252.642	209.327	

*** Công ty Cổ phần Xây dựng TASC0**

Giấy CNĐKKD

Số 0600642753 do Sở Kế hoạch - Đầu tư tỉnh Nam Định cấp lần một ngày 16/7/2009, thay đổi lần 3 ngày 14/6/2011

Địa chỉ:

Số 20, Đường Điện Biên, TP Nam Định, Tỉnh Nam Định

Điện thoại:

0350.3843732

Ngành nghề kinh doanh:

- Xây dựng nhà các loại; chi tiết: đầu tư và xây dựng các công trình dân dụng
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Chi tiết: Đầu tư và xây dựng các công trình giao thông, cầu đường
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Chi tiết: Tu bổ, tôn tạo, phục hồi, phục dựng di tích lịch sử văn hóa, danh lam thắng cảnh
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao; Chi tiết: Sản xuất cấu kiện bê tông đúc sẵn, bê tông nhựa nóng
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản (Không bao gồm dịch vụ môi giới, định giá và sàn giao dịch bất động sản)

*** Công ty Cổ phần TASC0 Thành Nam**

Giấy CNĐKKD

Số 0103009780 do Sở Kế hoạch - Đầu tư tỉnh Hà Nội cấp lần đầu ngày 02/11/2005, cấp thay đổi lần 4 ngày 8/01/2010

Địa chỉ:

Phòng 601, tầng 6, CC2A, tòa nhà Thanh Hà, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Hà Nội

Điện thoại:

04. 5593001 Fax: 04. 5593000

- Ngành nghề kinh doanh:
- Kinh doanh khai thác vật liệu xây dựng; sửa chữa gia công cơ khí, sản xuất gia công các cấu kiện bê tông đúc sẵn;
 - Xây dựng: các công trình hạ tầng cơ sở giao thông, xây dựng dân dụng, thủy lợi công, xây lắp điện;
 - Thi công nền móng công trình;
 - Cho thuê máy móc, thiết bị phục vụ ngành xây dựng;
 - Đầu tư khu công nghiệp, đầu tư phát triển nhà và đô thị;

*** Công ty Cổ phần TASCOT Nam Thái**

Giấy CNĐKKD

Số 0600454929 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Thái Bình cấp lần 1 ngày 7/8/2008, cấp thay đổi lần 5 ngày 12/10/2010

Địa chỉ:

Thị tứ Tân Lập, xã Tân Lập, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình

Điện thoại:

0363622301

Ngành nghề kinh doanh:

- Xây dựng công trình dân dụng, thủy lợi, giao thông, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật, san lấp mặt bằng
- Kinh doanh vật tư, máy móc thiết bị, vật liệu xây dựng
- Cho thuê kho bãi, nhà xưởng
- Mua bán, cho thuê máy móc thiết bị
- Đầu tư xây dựng các công trình: Giao thông, thủy lợi, dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật, san lấp mặt bằng
- Tư vấn quản lý dự án, kiểm định chất lượng công trình xây dựng, thí nghiệm vật liệu xây dựng
- Khảo sát, thiết kế, tư vấn giám sát các công trình xây dựng, thí nghiệm vật liệu xây dựng
- Khảo sát, thiết kế, tư vấn giám sát các công trình: Giao thông, thủy lợi, dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật
- Kinh doanh bất động sản (không bao gồm môi giới, đấu giá, sàn giao dịch bất động sản)

*** Công ty TNHH Một thành viên TASCOT 6**

Giấy CNĐKKD

Số 0600542036 do Sở Kế hoạch - Đầu tư tỉnh Nam Định cấp ngày 16/3/2009, thay đổi lần một ngày 17/11/2009

Địa chỉ:

Số 20, Đường Điện Biên, TP Nam Định, Tỉnh Nam Định

Điện thoại:

03503. 861 546

Fax: 03503. 861 511

Ngành nghề kinh doanh:

- Dịch vụ thu cước phí và quản lý trạm thu cước phí đường bộ
- Kinh doanh và khai thác công trình kết cấu hạ tầng đường bộ;
- Khai thác kinh doanh quảng cáo;

Các Công ty liên kết của TASCО

(Đơn vị tính: triệu đồng)

STT	Tên Công ty	Vốn chủ sở hữu tại 31/12/2012	TASCО	
			Mức vốn góp	Tỷ lệ vốn góp (%)
1	CTCP Bất động sản Thái An	22.028	13.850	62,87%
2	Công ty CP TASCО Thăng Long	4.207	1.800	42,78%
3	Công ty CP TASCО Trường Phát	8.243	2.240	27,17%
4	Công ty CP Đầu tư đô thị và Xây dựng Trường Giang	3.507	1.800	51,32%
5	Công ty CP ĐT và XD Tiến Phát	5.376	1.050	19,53%
6	Công ty CP D-tech	8.463	2.000	23,63%
	Tổng Cộng	51.825	22.740	

*** Công ty Cổ phần Bất động sản Thái An (Tên cũ: Công ty Cổ phần TASCО Xuân Ngọc)**

Giấy CNĐKKD

Số 0104349719 do Sở Kế hoạch Đầu tư Hà Nội cấp ngày 25/12/2009 và thay đổi lần 4 ngày 18/05/2011

Địa chỉ:

B1-24 Đường Lê Đức Thọ, Xã Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội

Ngành nghề kinh doanh:

-Xây dựng các loại nhà
 - Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan; Chi tiết: Giám sát xây dựng và hoàn thiện công trình đường bộ, công trình dân dụng và công nghiệp
 - Sản xuất bê tông đúc sẵn và các sản phẩm từ xi măng; Sản xuất bê tông đúc sẵn, ống cột bê tông, cọc bê tông cốt thép; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: Xây dựng công trình công nghiệp, công trình cửa đường hầm, công trình thể thao ngoài trời, các cơ sở hạ tầng công; Thi công xây lắp các công trình giao thông, thủy lợi, công trình hạ tầng; kinh doanh bất động sản.

*** Công ty Cổ phần TASCО Thăng Long**

Giấy CNĐKKD

Số 0104328839 (Số cũ 0103043065) do Sở Kế hoạch - Đầu tư Hà Nội cấp ngày 23/12/2009, thay đổi lần 1 ngày 23/7/2010

Địa chỉ:

Số 64, nhà TT4, Khu đô thị Sông Đà - Mỹ Đình, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, TP Hà Nội

Ngành nghề kinh doanh:

- Kinh doanh bất động sản; Quản lý bất động sản; Quảng cáo bất động sản; Tư vấn bất động sản; Định giá bất động sản; Môi giới bất động sản;

*** Công ty Cổ phần TASCО Trường Phát**

Giấy CNĐKKD Số 0600341957 do Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Nam Định cấp lần đầu ngày 17/10/2005, thay đổi lần 1 ngày 15/9/2010

Địa chỉ: Lô A9 – A10 khu Công nghiệp Hòa Xá, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

Ngành nghề kinh doanh: Xây dựng các công trình hạ tầng cơ sở, giao thông, dân dụng, thủy lợi, Xây lắp điện; Mua bán vật liệu xây dựng; Sản xuất, gia công các cấu kiện bê tông đúc sẵn; Cho thuê máy móc thiết bị xây dựng; Sửa chữa, gia công cơ khí; Dịch vụ vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Đầu tư tài chính

*** Công ty Cổ phần ĐT do thị và XD Trường Giang**

Giấy CNĐKKD Số 0600487353 do Sở Kế hoạch và đầu tư TP Hà Nội cấp 7/7/2010

Địa chỉ: Tầng 33- Tòa nhà M5 - Số 91 Nguyễn Chí Thanh - Hà Nội

Ngành nghề kinh doanh: - Đầu tư, xây dựng công trình dân dụng, giao thông, hạ tầng kỹ thuật, san lấp mặt bằng; Kinh doanh khai thác công trình, kết cấu hạ tầng đường bộ; Kinh doanh vật tư, máy móc, thiết bị, vật liệu xây dựng; Kinh doanh bất động sản, cho thuê kho bãi, nhà xưởng; Mua bán, ươm, trồng cây xanh đô thị; Mua bán, cho thuê máy móc thiết bị; sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng, thạch cao.

*** Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiến Phát**

Giấy CNĐKKD Số 0600342012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nam Định cấp lần đầu ngày 17/10/2005, thay đổi lần ba ngày 30/9/2010

Địa chỉ: Số 659 đường Trường Chinh, phường Hạ Long, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

Ngành nghề kinh doanh: Xây dựng các công trình thuộc hạ tầng cơ sở, giao thông, dân dụng, thủy lợi, xây lắp điện; Mua bán vật liệu xây dựng; Sửa chữa, gia công cơ khí; Sản xuất, gia công các cấu kiện bê tông đúc sẵn; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Cho thuê máy, thiết bị xây dựng; Mua bán ô tô các loại và máy móc thiết bị xây dựng; Mua bán phụ tùng ô tô, phụ tùng máy móc thiết bị xây dựng, hàng tiêu dùng

*** Công ty Cổ phần D - Tech**

Giấy CNĐKKD Số 0104822759 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 27/7/2010, thay đổi lần hai ngày 16/9/2011

Địa chỉ: Số nhà 5C khu A3, tập thể Đại học mỏ địa chất, xã Đông Ngạc, huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Ngành nghề kinh doanh: Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh
Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng

Bán buôn kim loại và quặng kim loại
 Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu:
 Bán buôn vật tư thiết bị ngành cầu đường
 Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác như: + Xây dựng nền móng của tòa nhà, gồm đóng cọc, + Thử độ ẩm và các công việc thử nước, + Chống thấm các tòa nhà, + Chôn chân trụ, + Dỡ bỏ các phần thép không tự sản xuất, + Uốn thép, + Xây dựng nền móng thử nước, + Chống ẩm các tòa nhà, + Chôn chân trụ, + Dỡ bỏ các phần thép không tự sản xuất, + Uốn thép, + Xây gạch và đặt đá, + Lợp mái bao phủ tòa nhà, + Dụng giàn giáo và các công việc tạo dựng mặt bằng bằng dỡ bỏ hoặc phá hủy các công trình xây dựng trừ việc thuê giàn giáo và mặt bằng, + Dỡ bỏ ống khói và các nồi hơi công nghiệp, Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh, Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác như: cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng; Bán buôn máy móc, thiết bị, và phụ tùng máy khác như: máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao, Hoàn thiện công trình xây dựng; Chuẩn bị mặt bằng, Phá dỡ công trình xây dựng; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng như: Xây dựng công trình công nghiệp, Xây dựng công trình cửa, xây dựng đường hầm, công trình thể thao ngoài trời; Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Xây dựng nhà các loại

5. Định hướng phát triển

Định hướng chiến lược phát triển của Công ty dựa trên những nền tảng quan trọng sau đây:

Tâm nhìn

Tạo ra không gian cho con người sống, đam mê, sáng tạo và cống hiến.

Sứ mệnh

Tasco mang đến cho cộng đồng các sản phẩm nhà ở, khu đô thị và hạ tầng giao thông hài hòa với thiên nhiên và phù hợp với sự phát triển của văn minh xã hội.

Giá trị cốt lõi

Cam kết: Vì mục tiêu phát triển trường tồn không bao giờ được thỏa mãn, không bao giờ chịu lùi bước và làm mọi cách có thể để vượt qua thách thức, vì lợi ích cổ đông, khách hàng, đối tác, công sự, cộng đồng địa phương và môi trường.

Hợp tác: Tinh thần hợp tác xuyên suốt trong mọi quan hệ của Tasco, khuyến khích phát triển nghề nghiệp và tôn trọng cá tính, chia sẻ cơ hội để phát triển nhóm, đội, cá nhân là phương pháp làm việc tốt nhất.

Tôn trọng: TASCOT luôn đề cao các cá nhân và tính đa dạng, lắng nghe để hiểu mọi người, tiếp nhận mọi góp ý hành động với sự tôn trọng và tin tưởng.

Sáng tạo: Sáng tạo để khác biệt hóa sản phẩm là phương thức để tồn tại, vì vậy phải vượt qua thách thức để cải tiến không ngừng.

Học tập: Tạo dựng một tổ chức biết học hỏi, bằng việc không ngừng tự phê bình, xem lỗi lầm là những cơ hội để học hỏi, thay vì khiển trách cá nhân.

5.1. Mục tiêu tài chính

Chỉ tiêu	2013	2014	2015
1. Doanh thu (tỷ)	1.500	2.050	2.875
2. Cổ tức (%)	12%	15%	15%
3. Lợi nhuận trước thuế (tỷ)	160	214	260
4. Vốn điều lệ (tỷ)	850	1.000	1.200

5.2. Chiến lược phát triển

Theo Định hướng chiến lược Công ty giai đoạn 2012 – 2016 (Điều chỉnh lần 1), định hướng sản phẩm kinh doanh như sau:

- Sản phẩm thầu xây dựng: Tập trung chủ yếu vào phát triển sản phẩm thầu xây dựng các công trình cầu, hầm, bến cảng, đường giao thông và hạ tầng khu công nghiệp, các công trình thủy lợi và công trình xây dựng dân dụng theo lộ trình.

- Sản phẩm bất động sản:

- + Sản phẩm bất động sản hạ tầng giao thông: Tập trung vào đầu tư các dự án hạ tầng giao thông theo hình thức BOT, BT,...

- + Sản phẩm bất động sản nhà ở: Giảm tỷ trọng và chuyển sang sản phẩm nhà ở thương mại có diện tích nhỏ và nhà ở thu nhập thấp.

6. Các rủi ro

Công ty Cổ phần TASCOT là một doanh nghiệp hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực xây dựng thi công các công trình hạ tầng cơ sở bao gồm công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, kinh doanh phát triển nhà ở và khu đô thị. Bên cạnh đó, trong các năm gần đây Công ty đã bắt đầu mở rộng lĩnh vực hoạt động của mình sang mảng đầu tư các dự án hạ tầng giao thông theo hình thức BOT, BT. Đặc thù ngành nghề hoạt động dẫn đến kết quả kinh doanh của Công ty chịu nhiều ảnh hưởng từ các nhân tố sau:

6.1. Rủi ro trong lĩnh vực xây dựng

- * **Rủi ro chính sách:** Kết quả kinh doanh của Công ty phụ thuộc vào chính sách đầu tư công cho cơ sở hạ tầng và khả năng của Công ty thắng thầu trong các dự án đầu tư này. Chi đầu tư công cho cơ sở hạ tầng, đến lượt, lại phụ thuộc vào tình trạng của nền kinh tế Việt Nam. Khi chi đầu tư công giảm do nền kinh tế suy thoái, chính sách chi tiêu của chính phủ hoặc các nguyên nhân khác có thể gây ảnh hưởng không tốt đến tài chính và kết quả hoạt động của Công ty.
- * **Rủi ro về cạnh tranh:** Lĩnh vực xây dựng ở Việt Nam cạnh tranh ở mức độ khá cao. Trong nước, các nhà xây dựng cơ sở hạ tầng lớn như Tổng Công ty Sông Đà, Vinaconex, HUD, Lũng Lô; nguồn vốn đầu tư cơ sở hạ tầng của Việt Nam còn đến từ nước ngoài khá nhiều nên các nhà thầu xây dựng như Nhật Bản, Trung Quốc cũng là những đối thủ cạnh tranh lớn trong lĩnh vực xây dựng các công trình hạ tầng. Mức độ cạnh tranh cao có thể làm giảm tỉ suất lợi nhuận trong ngành và có thể có cả của Công ty.
- * **Rủi ro về vốn, thanh toán:** Là doanh nghiệp hoạt động trong ngành xây lắp, các công trình hoàn thành thường bị chủ đầu tư thanh toán chậm vì nhiều lý do, hệ quả là Công ty thường xuyên phải duy trì hệ số nợ ở mức cao với tỷ trọng nợ ngắn hạn là chủ yếu để tài trợ vốn

lưu động trong hoạt động kinh doanh thường ngày. Việc duy trì hệ số nợ cao cộng với việc bị chiếm dụng vốn dài ngày có thể sẽ gây ra rủi ro mất khả năng thanh toán khi Công ty không thu hồi được các khoản nợ, hoặc khách hàng lớn của Công ty bị phá sản.

- * Một số hợp đồng BOT và BT trong đó Công ty được giao vận hành các công trình sau khi hoàn thành để tạo nguồn thu bù đắp chi phí và tạo lợi nhuận hoặc đổi đất lấy hạ tầng mà trong đó nguồn thu từ tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Ở các hợp đồng này, thời gian thực hiện dự án (tính đến thời điểm thu hồi vốn đầu tư) là khá dài. Nguồn thu từ các dự án BOT được thực hiện trong nhiều năm và phụ thuộc vào rất nhiều yếu tố như lưu lượng giao thông, mức phí giao thông được phép thu, thuế và các chính sách liên quan; nguồn thu từ dự án BT phụ thuộc vào tình hình thị trường bất động sản, tiến độ thực hiện quy hoạch chung của toàn khu đô thị mới, các điều khoản thỏa thuận với các nhà đầu tư thứ phát và rất nhiều các yếu tố liên quan khác. Chính sự phức tạp trong việc thực hiện dự án trên sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh hay cách khác là ảnh hưởng đến hiệu quả đầu tư của dự án.
- * Khả năng đảm bảo vốn tự có tối thiểu, các chỉ số tài chính hoặc các cam kết tài chính ở những dự án hạ tầng lớn có thể thay đổi. Mặc dù trong quá khứ Công ty đáp ứng được những yêu cầu này nhưng trong tương lai Công ty có thể gặp nhiều khó khăn trong việc đảm bảo yêu cầu về vốn. Nếu không đáp ứng được các yêu cầu này, khả năng thắng thầu sẽ thấp và có thể gây ảnh hưởng đến tài chính và kết quả hoạt động của Công ty.
- * Công ty hiện cũng đối mặt với rủi ro về sự biến động giá cả thị trường và nguồn cung cấp nguyên vật liệu không ổn định. Những nguyên liệu đầu vào quan trọng của Công ty là nhựa đường, xăng dầu, sắt thép, cát, đá, sỏi, xi măng, ... ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả SXKD của Công ty.

6.2. Rủi ro trong hoạt động đầu tư kinh doanh bất động sản

- * **Rủi ro pháp lý dự án:** Công ty có thể gặp rủi ro không thực hiện được dự án theo đúng tiến độ hoặc không hoàn thành kế hoạch kinh doanh nếu việc xin giấy phép triển khai dự án kéo dài hơn dự kiến.
- * **Rủi ro đền bù giải phóng mặt bằng:** Đây là đặc thù của ngành kinh doanh bất động sản ở Việt Nam. Tại địa bàn Hà Nội, phần lớn đất quy hoạch cho các dự án khu đô thị, khu công nghiệp đều là đất đang được sử dụng, vì vậy công tác giải phóng mặt bằng tại các khu vực này thường rất phức tạp. Mặt khác, khung giá đền bù, bồi thường đất theo quy định của Nhà nước không ổn định. Điều này gây khó khăn cho công tác giải phóng mặt bằng, ảnh hưởng đến tiến độ thi công dự án cũng như tác động trực tiếp đến chi phí đầu tư và doanh thu của doanh nghiệp.
- * **Rủi ro về cạnh tranh:** Hiện nay, trên địa bàn cả nước có rất nhiều doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực đầu tư, kinh doanh các dịch vụ về nhà ở, khu đô thị và các dịch vụ kèm theo. Đặc biệt khu vực Hà Nội và các tỉnh lân cận đang tập trung rất nhiều doanh nghiệp lớn như: VINACONEX, HUD, ... Những doanh nghiệp này đều là đối thủ cạnh tranh trực tiếp của Công ty. Bên cạnh đó, Việt Nam đã chính thức gia nhập WTO sẽ tạo điều kiện cho các tổ chức và các nhà đầu tư nước ngoài có thương hiệu, uy tín và tiềm lực vào hoạt động và cạnh tranh khốc liệt với các Công ty xây dựng và kinh doanh bất động sản trong nước.
- * **Rủi ro về thị trường:** Đặc thù của các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực đầu tư, kinh doanh các dịch vụ về nhà ở, khu đô thị là nhu cầu vốn lớn, thời gian thi công các dự án, công trình thường kéo dài. Chủ đầu của các dự án xây dựng phải trường vốn cho quá trình xây dựng và thi công. Theo quy định, sau khi các dự án đã hoàn thiện phần móng, chủ đầu tư có thể huy động vốn từ người mua, tuy nhiên thành công của việc huy động này phụ

thuộc rất nhiều vào thị trường bất động sản. Nếu việc huy động không đạt được mức vốn cần thiết, chủ đầu tư phải duy trì hệ số nợ cao và thời gian chiếm dụng vốn vay dài. Như vậy, Công ty trong vai trò là chủ đầu tư có thể phải đối mặt với rủi ro lãi suất và rủi ro thanh khoản. Những đặc thù của ngành có thể sẽ gây ra rủi ro giảm khả năng thanh toán và giảm lợi nhuận dự kiến.

6.3. Rủi ro lãi suất

Công ty hoạt động trong lĩnh vực xây dựng, hạ tầng giao thông và kinh doanh bất động sản nên vốn vay rất lớn. Vì vậy Công ty chịu ảnh hưởng của rủi ro lãi suất. Trong cơ cấu nguồn vốn hệ số Nợ/Tổng tài sản năm 2012 chiếm khoảng 82,07%, trong đó tỷ trọng của Nợ vay chiếm khoảng 47.05% nên mặc dù chi phí lãi vay phần lớn sẽ được vốn hóa nhưng nó cũng ít nhiều ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2012:

Đơn vị tính: Tỷ đồng

T T	Các chỉ tiêu	Năm 2011	NĂM 2012			So với năm 2011
			Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ đạt KH	
1	Doanh thu bán hàng	968	1.500	1.128	75,2%	116,5%
	<i>Thầu xây dựng</i>		900	833	92,5%	
	<i>Bất động sản</i>		600	295	49,2%	
2	Lợi nhuận trước thuế	82,7	130	43,53	33,4%	52,6%

- Đối với sản phẩm Thầu xây dựng: Năm 2012 được đánh giá là rất khó khăn đối với các doanh nghiệp trong ngành xây dựng do Chính phủ thực hiện chính sách thắt chặt tiền tệ, cắt giảm đầu tư công, rất nhiều công trình/dự án trên cả nước phải dừng thi công do thiếu vốn. Dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Hội đồng quản trị, sự nỗ lực của Ban TGD và tập thể CBNV Công ty, hoạt động Thầu xây dựng đã đạt 92,5% kế hoạch đặt ra, các công trình đều đạt chất lượng tốt, không có khiếu nại và được Chủ đầu tư đánh giá cao. Công ty đã nỗ lực tìm kiếm các hợp đồng Thầu xây dựng có giá trị lớn để thực hiện trong năm 2013 (Sẽ được trình bày chi tiết trong phần kế hoạch SXKD năm 2013).
- Năm 2012 là năm biến động và rất xấu đối với thị trường Bất động sản. Thị trường đóng băng, hàng tồn kho lớn, các chính sách tiền tệ thắt chặt đối với đầu tư bất động sản và người mua nhà làm cho kế hoạch triển khai một loạt các dự án của TASCOT bị đình trệ như dự án KĐT mới Xuân Phương, Tòa nhà Pháp Vân; Dự án Tòa nhà 48 Trần Duy Hưng, Khu nhà ở Báo Nhân dân và Văn phòng Trung ương Đảng bị đình trệ và không triển khai được như kế hoạch đầu năm.
- Đối với sản phẩm hạ tầng giao thông: Các dự án đầu tư hạ tầng giao thông của Công ty bị giãn tiến độ và tạm ngừng thi công do Nhà nước không bố trí được nguồn thanh toán cho Nhà đầu tư theo kế hoạch và trong Hợp đồng BT với Tasco. Điển hình là Dự án cải tạo nâng cấp QL 39 đoạn Thanh Nê - Diêm Điền.

2. Tổ chức và nhân sự

2.1. Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban điều hành

2.1.1. Ông Cao Văn Hưng

Chức vụ hiện tại: Tổng Giám đốc

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 7/3/1973

Nơi sinh: Tam Thanh – Vụ Bản – Nam Định

Quốc tịch: Việt Nam

Quê quán: Tam Thanh – Vụ Bản – Nam Định

Chứng minh nhân dân: 161902460

Địa chỉ thường trú: Số 3- Ngõ 72- Đường Trần Thái Tông – P.Thống nhất- TP Nam Định

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán thống kê

Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
1996-2001	Công ty CTGT Nam định	Cán bộ kỹ thuật
2001-2004	Công ty CP Thành Công	Đội trưởng
2004-2006	Công ty CP TASCOT	Giám đốc Chi nhánh tại HN
2006-2009	Công ty CP TASCOT	Giám đốc Chi nhánh tại TP HCM
2009-T4/2012	Công ty CP XD TASCOT	Giám đốc-Chủ tịch HĐQT Công ty
T5/2012- nay	Công ty CP TASCOT	Tổng Giám đốc

Số cổ phần nắm giữ 113.342 phần

2.1.2. Ông Vũ Quang Lâm

Chức vụ hiện tại: Phó Tổng Giám đốc đầu tư

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 08/04/1975

Nơi sinh: Yên Khánh – Ý Yên – Nam Định

Quốc tịch: Việt Nam

Quê quán: Yên Khánh – Ý Yên – Nam Định

Chứng minh nhân dân: 162043265 cấp ngày 23/03/2003 tại Nam Định

Địa chỉ thường trú: Phòng 1106, CT5, X2, Bắc Linh Đàm, Q. Hoàng Mai, Hà Nội

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế xây dựng giao thông

Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
1997-1999	Tổng Công ty xây dựng Sông Đà	
1999-2001	Công ty Samwhan Corporation – Hàn Quốc	
2002- đến nay	Công ty cổ phần Tasco	Ủy viên HĐQT – Phó Tổng Giám đốc đầu tư

Số cổ phần nắm giữ 158.901 cổ phần

2..1.3. Ông Hà Thanh Bình

Chức vụ hiện tại: Phó Tổng Giám đốc thầu xây dựng

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 23/05/1978

Nơi sinh: Nam Định

Quốc tịch: Việt Nam

Quê quán: Xã Yên Tân, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định

Chứng minh nhân dân: 162091074

Địa chỉ thường trú: Số 310, đường Vũ Trọng Phụng, phường Thống Nhất, TP Nam Định, tỉnh Nam Định

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Xây dựng – ĐH Xây Dựng Hà Nội

Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
9/2001-10/2003	Công ty xây dựng công trình giao thông 501 – Cienco5	Phó phòng KH-KD
10/2003-12/2007	Công ty cổ phần Thành Công (Tasco)	Phó giám đốc
01/2008-6/2009	Chi nhánh Nam Định – Công ty CP Tasco	Phó giám đốc
7/2009-6/2011	Công ty cổ phần xây dựng Tasco	Phó giám đốc
7/2011-nay	Công ty cổ phần Tasco	Phó TGD

Số cổ phần nắm giữ

14.100 cổ phần

2.1.4 Ông Nguyễn Hồng Thắng

Chức vụ hiện tại: Phó Tổng Giám đốc Tài chính

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 19/4/1975

Nơi sinh: Nam Định

Quốc tịch: Việt Nam

Quê quán: Huyện Hương Sơn – Tỉnh Hà Tĩnh

Chứng minh nhân dân: 012567161

Địa chỉ thường trú: 30, ngõ 71/69 Hoàng Văn Thái – Quận Thanh Xuân – Hà Nội

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ

Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
1996 – 1998	Liên doanh Hải Hà – Kotobuki, JSC	Chuyên viên kế toán
1998 - 2000	Tập đoàn Bảo Việt – Trung tâm đào tạo	Trưởng phòng TCKT
2000 – 2004	Tập đoàn Bảo Việt – Công ty chứng khoán Bảo Việt	Trưởng phòng TCKT
2004 – 2006	Ngân hàng Á châu – Chi nhánh cấp I	Trưởng phòng TCKT, Trưởng phòng Giao dịch
2006 – 2008	Công ty chứng khoán Bảo Minh	Phó Tổng Giám đốc, TV HĐQT

2008 - 2010	Công ty International Royal Securities	Giám đốc Khối tư vấn Tài chính doanh nghiệp
2010 – T5/2012	Công ty Cổ phần Tasco	Giám đốc Tài chính, Thư ký Chủ tịch HĐQT
T5/2012-nay	Công ty Cổ phần Tasco	Phó TGĐ tài chính

Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần

2.1.5 Ông Hồ Trọng Vinh

Chức vụ hiện tại: Phó Tổng Giám đốc Nội chính

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 10/08/1975

Nơi sinh: Nghệ An

Quốc tịch: Việt Nam

Quê quán: Quỳnh Lưu – Nghệ An

Chứng minh nhân dân: 182027347

Địa chỉ thường trú: Số 49, Vĩnh Tiến – P.Hung Bình – Tp. Vinh – Tỉnh Nghệ An

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ QTKD – Viện QTKD Brussel – Vương Quốc Bỉ

Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
Từ 1995 đến 1996	Trung tâm đào tạo HP	Giảng viên
Từ 1996 đến 1997	Trung tâm tin học TDI	Trưởng nhóm phần mềm + Kinh doanh
Từ 1997 đến 2000	Công ty Liên doanh NAT&L	Chuyên viên CNTT
Từ 2001 đến 2002	Công ty Liên doanh NAT&L	Phó phòng CNTT
Từ 2003 đến 2008	Công ty Liên doanh NAT&L	Phó Giám đốc CNTT
Từ 2009 đến 2009	Công ty CP JAPFA	Giám đốc CNTT
Từ 10/2009 đến 07/2011	Công ty CP TASCO	Giám đốc CNTT
Từ 07/2011 đến nay	Công ty CP TASCO	Phó Tổng Giám đốc Nội chính

Số cổ phần nắm giữ 6.200 cổ phần

2.1.6. Kế toán trưởng: Bà Lê Thị Ngọc

Chức vụ hiện tại: Kế toán trưởng

Giới tính: Nữ

Ngày sinh: 08/11/1977

Nơi sinh: Thanh Hóa

Quốc tịch: Việt Nam

Quê quán: Thanh Hóa

Chứng minh nhân dân: 012742578 cấp ngày 10/ 12 / 2004 tại Công An Hà Nội

Địa chỉ thường trú: Tổ 20B Phường Yên Hòa – Cầu Giấy – Hà nội

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
2000-T11/2007	Học viện Công nghệ Bưu chính viễn thông	Kế toán
T11/2007-T5/2008	Công ty Cổ phần Constrexim Đầu tư và xây lắp cao tầng	Phó phòng Kế toán
T5/2008-T7/2009	Công ty Cổ phần Constrexim Đầu tư và xây lắp cao tầng	Kế toán trưởng
T7/2009-T11/2009	Công ty CP ĐT và xây dựng Sông Hồng 9	Kế toán trưởng
T1/2010-T12/2010	Công ty Cổ phần Tasco	Kế toán
T12/2010-T5/2012	Công ty Cổ phần Tasco	Phó phòng Kế toán
T5/2012-nay	Công ty Cổ phần Tasco	Kế toán trưởng

Số cổ phần nắm giữ:

20.100

cổ phần

2.2. Những Thay đổi trong ban điều hành

Ông Cao Văn Hưng	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 09/05/2012)
Ông Phạm Văn Lương	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 09/05/2012)
Ông Hồ Trọng Vinh	Phó Tổng Giám đốc Nội chính
Ông Vũ Quang Lâm	Phó Tổng Giám đốc Đầu tư (bổ nhiệm ngày 17/03/2012)
Ông Hà Thanh Bình	Phó Tổng Giám đốc Thầu Xây dựng (bổ nhiệm ngày 17/03/2012)
Ông Nguyễn Hồng Thắng	Phó Tổng Giám đốc Tài chính (bổ nhiệm ngày 09/05/2012)
Bà Lê Thị Ngọc	Kế toán trưởng (bổ nhiệm ngày 09/05/2012)
Ông Hà Thanh Bình	Phó Tổng Giám đốc Phát triển Hạ tầng (bổ nhiệm ngày 17/03/2012)
Ông Nguyễn Đình Siêu	Phó Tổng Giám đốc Phát triển nhà (miễn nhiệm ngày 17/03/2012)
Ông Trần Ngọc Thăng	Phó Tổng Giám đốc Kinh doanh (miễn nhiệm ngày 17/03/2012)
Bà Trần Thị Thanh Tân	Phó Tổng Giám đốc Tài chính (miễn nhiệm ngày 09/05/2012)
Bà Phạm Thị Nhân	Kế toán trưởng (miễn nhiệm ngày 09/05/2012)

2.3. Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động

2.3.1. Số lượng cán bộ nhân viên:

Số lượng lao động của Công ty đến 31/12/2012 là 123 người, trong đó:

- Phân theo trình độ:

+ Trên đại học: 8

- + Đại học: 93
- + Cao đẳng, trung cấp: 6
- + Công nhân kỹ thuật, lao động phổ thông: 16
- Phân theo chức năng:
- + Lao động gián tiếp: 107
- + Lao động trực tiếp: 16

2.3.2. Chính sách đối với người lao động:

- Nhằm vươn tới mục tiêu phát triển bền vững và lâu dài, Công ty đã xây dựng chính sách đối với người lao động theo định hướng sau:
- Hỗ trợ và tạo mọi điều kiện để người lao động phát huy khả năng trong học tập nâng cao kiến thức chuyên môn nghiệp vụ.
- Đào tạo và sắp xếp nguồn nhân lực phù hợp với tình hình phát triển của Công ty.
- Đảm bảo công việc đầy đủ cho người lao động, đảm bảo thu nhập phù hợp với khả năng cống hiến và thị trường.
- Thực hiện đầy đủ quyền lợi và nghĩa vụ đối với người lao động theo đúng với chế độ, chính sách quy định.
- Có chính sách khen thưởng kịp thời đối với cá nhân và tập thể có công lao đóng góp cho Công ty, có biện pháp kỷ luật đối với những cá nhân có hành động ảnh hưởng xấu đến quyền lợi và uy tín Công ty.
- Có chính sách đãi ngộ thu hút lao động giỏi, phù hợp về Công ty và Chính sách khuyến khích CBCNV gắn bó, làm việc lâu dài tại Công ty như: chính sách thăm quan Du lịch cho CBCNV, chính sách chăm sóc sức khỏe, giám định sức khỏe định kỳ, chính sách nghỉ lễ, tết, ốm đau, thai sản, hiếu, hỷ...
- Công ty thường xuyên tổ chức các hoạt động tập thể nhân dịp kỷ niệm những ngày lễ lớn và khuyến khích, động viên tinh thần người lao động như: Tết thiếu nhi, tết trung thu, kỷ niệm ngày Quốc tế Phụ nữ 8/3; Kỷ niệm ngày Phụ nữ Việt Nam 20/10; Thưởng cho con em CBCNV đạt thành tích cao trong học tập....
- Hàng năm, Công ty cũng luôn xây dựng kế hoạch, thực hiện đào tạo và đào tạo lại tay nghề, trình độ cho người lao động bằng nhiều hình thức, nhằm phát triển đội ngũ cán bộ công nhân viên, đáp ứng yêu cầu đa dạng hóa ngành nghề của Công ty, theo kịp trình độ công nghệ của các nước tiên tiến trên thế giới.
- Công ty xây dựng chính sách đào tạo cho riêng từng cấp: cho cấp quản lý và cho nhân viên, đội trưởng/ chủ nhiệm công trình và công nhân. Điều này chứng tỏ Lãnh đạo Công ty rất chú trọng đến công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, cũng chính là tạo điều kiện và cơ hội cho toàn thể CBCNV của mình phát huy năng lực, khẳng định bản lĩnh của cá nhân trong xu thế phát triển của Công ty.

3. Tình hình thực hiện một số dự án đầu tư chủ yếu trong năm 2012

- **Dự án BOT Quốc lộ 10:** Đã hoàn thành bàn giao cho tỉnh Thái Bình 4,1km đưa vào sử dụng. Tăng mức phí thu lên 1,5 lần từ tháng 01/2013. Giá trị thực hiện lũy kế đến 31/12/2012 là 325 tỷ đồng.
- **Dự án BOT Quốc lộ 21:** Đã hoàn thành bàn giao toàn tuyến cho tỉnh Nam Định đưa vào sử dụng. Giá trị thực hiện đến hết 31/12/2012 là 425 tỷ đồng.
- **Dự án tuyến đường Lê Đức Thọ đến đường 70, Từ Liêm, Hà Nội:** Tiếp tục công tác GPMB của dự án. Giá trị thực hiện lũy kế đến 31/12/2012 đạt 342 tỷ đồng.
- **Dự án BT39, Thái Bình do Công ty Tasco Nam Thái làm Doanh nghiệp dự án:**
 - + Đã giải phóng mặt bằng được khoảng 70% diện tích của dự án.

- + Đã thi công hoàn thành xong 5/7 cầu; Phần đường đã thi công xong cơ bản nền đường của 13km ; Thi công hệ thống thoát nước đạt 40%.
- + Giá trị thực hiện đến hết 2012 là 531 tỷ đồng.
- **Dự án BT21, Nam Định – Phủ Lý do Công ty Tasco Xây dựng làm Doanh nghiệp dự án:**
 - + Đã thực hiện GPMB xong 99% đất nông nghiệp trên toàn tuyến.
 - + Phần đường: Đã thi công cơ bản hoàn thành phần nền đường của 21/21 km đạt 95% khối lượng.
 - + Phần cầu : Đang thi công 4/6 cầu trên tuyến đạt khoảng 20%.
 - + Giá trị thực hiện đến hết 2012 đạt 1.389 tỷ đồng.
- **Dự án Khu đô thị Xuân Ngọc, Hà Nội:**
 - + Tiếp tục triển khai công tác quy hoạch 1/500 (Dự án đã phê duyệt Quy hoạch 1/500 từ năm 2007. Tuy nhiên do nằm trong vành đai xanh sông Nhuệ nên dự án phải điều chỉnh lại quy hoạch 1/500 theo hướng thấp tầng).
 - + Giá trị thực hiện đến hết 2012 đạt 566 tỷ đồng
- **Dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị mới Vân Canh:**
 - + Thi công hoàn thiện 38 căn LK26.
 - + Đã thi công cơ bản xong 92 căn LK22.
 - + Đang tiếp tục thi công tầng móng của khu LK24+25.
 - + Tổng giá trị thực hiện đến 31/12/2012 là 577 tỷ đồng.
- **Dự án khu nhà ở báo Nhân dân và văn phòng TW Đảng:**
 - + Thủ tướng Chính phủ đã chấp thuận tiếp tục triển khai thực hiện dự án. Đã có quyết định thu hồi đất và giải phóng xong mặt bằng.
 - + Đang tiếp tục triển khai các thủ tục điều chỉnh quy hoạch tổng mặt bằng tỷ lệ 1/500.
 - + Giá trị thực hiện đến hết 2012 là 9,2 tỷ đồng
- Dự án Nhà ở CBNV Bộ Ngoại giao: Đang thực hiện các thủ tục về lập quy hoạch chi tiết 1/500.
- **Dự án Pháp Vân, Tứ Hiệp:**
 - + Đã thi công xong toàn bộ phần cọc và tường Barret phục vụ thi công hầm. Đang thực hiện các thủ tục để điều chỉnh quy mô đầu tư và phân khúc sản phẩm.
 - + Giá trị thực hiện đến hết 2012 đạt 38 tỷ đồng.
- **Các Công ty con, Công ty liên kết:**
 - + Tình hình hoạt động: Năm 2012 được đánh giá là rất khó khăn đối với các doanh nghiệp trong ngành xây dựng do Chính phủ thực hiện chính sách thắt chặt tiền tệ, cắt giảm đầu tư công, rất nhiều công trình/dự án trên cả nước phải dừng thi công do thiếu vốn. Dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Hội đồng quản trị và người đại diện vốn tại các doanh nghiệp, các Công ty cũng đã đạt được những kết quả như sau:

+ Tình hình Tài chính năm 2012:

Đơn vị tính: triệu đồng

Tên Công ty	Tổng giá trị tài sản	Doanh thu thuần	Lợi nhuận trước thuế	Lợi nhuận sau thuế
Công ty CP Tasco Thành Nam	66.371,64	73.891,6	1.030,23	767,81
Công ty CP Tasco Nam Thái	463.287,2	56.832,89	1.854,25	1.404
Công ty CP XD TASCOT	955.678,14	1.124.510,98	4.131,24	3.338

Công ty TNHH 1 TV TASCOT 6	860,64	7.658,58	111,54	92
-------------------------------	--------	----------	--------	----

4. Tình hình tài chính

4.1. Tình hình tài chính

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	2.998.019	2.997.125	-0,03%
Doanh thu thuần	918.842	1.119.784	21,87%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	80.678	45.432	-43,69%
Lợi nhuận khác	2.051	-1.902	-192,74%
Lợi nhuận trước thuế	82.729	43.530	-47,38%
Lợi nhuận sau thuế	65.054	35.152	-45,96%
Tỷ lệ trả cổ tức	12%	8%	-33,33%

4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
- Hệ số khả năng thanh toán ngắn hạn (Tài sản lưu động/ Nợ ngắn hạn)	1,48	1,22
- Hệ số khả năng thanh toán nhanh (TSLĐ- Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn)	1,31	1,02
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
- Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,83	0,82
- Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu)	4,89	4,58
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
Vòng quay hàng tồn kho: <u>Giá vốn hàng bán</u> Hàng tồn kho bình quân	7,43	8,19
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,31	0,37
3. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời	Năm 2011	Năm 2012
- Hệ số LN sau thuế/ Doanh thu thuần (%)	7,1%	3,1%
- Hệ số LN sau thuế/ Vốn CSH bình quân (%)	13,2%	6,7%
- Hệ số LN từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần (%)	8,7%	4,1%

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

5.1. Cổ phần: Tổng số cổ phần là 34.997.600 cổ phần

Số cổ phần đang lưu hành vào ngày 31/12/2012

STT	Loại cổ phần	Số lượng CP lưu hành
1	Cổ phần chuyển nhượng tự do	34.997.600
2	Cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng	-
	Tổng cộng	34.997.600

5.2. Cơ cấu cổ đông: (Theo danh sách cổ đông của Công ty chốt tại ngày đăng ký cuối cùng 19/3/2013 để tham dự Đại hội cổ đông thường niên năm tài chính 2012)

- Phân loại cổ đông theo tỷ lệ sở hữu:

STT	Cổ đông	Số lượng CP	Tỷ lệ vốn góp (%)
1	Cổ đông có tỷ lệ sở hữu từ 5% trở lên (cổ đông lớn)	6.775.018	19,31%
2	Cổ đông có tỷ lệ sở hữu từ 5% trở xuống (cổ đông nhỏ)	28.222.582	80,69%

- Phân loại cổ đông theo tiêu chí tổ chức và cá nhân:

STT	Cổ đông	Số lượng CP	Tỷ lệ vốn góp (%)
1	Cổ đông là các tổ chức	5.865.653	16,77%
2	Cổ đông là cá nhân	29.111.947	83,23%

- Phân loại cổ đông trong nước và ngoài nước:

STT	Cổ đông	Số lượng CP	Tỷ lệ vốn góp (%)
1	Cổ đông trong nước	33.870.200	96,78%
2	Cổ đông ngoài nước	1.127.400	3,22%

- Phân loại cổ đông Nhà nước và các cổ đông khác:

STT	Tên Cổ đông	Số lượng CP	Tỷ lệ vốn góp (%)
1	Tập đoàn đầu tư phát triển nhà và đô thị	4.524.480	12,93%
2	Cổ đông khác	30.473.120	87,07%

5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có

5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

5.5. Các chứng khoán khác:

Số trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu đang lưu hành vào ngày 31/12/2012

STT	Loại trái phiếu	Số lượng TP lưu hành
1	Trái phiếu có thể chuyển đổi thành cổ phiếu	159.510
2	Trái phiếu không thể chuyển đổi	-
	Tổng cộng	159.510

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Nội dung này đã được trình bày trong Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty tại Mục 1 phần II.

2. Tình hình tài chính

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Công ty mẹ	
	31/12/2011	31/12/2012
Tổng tài sản	2.998	2.997
Tài sản ngắn hạn	952	847
Tài sản dài hạn	2.046	2.150
Tổng nguồn vốn	2.998	2.997
Nợ phải trả	2.489	2.460
Nguồn vốn CSH	509	537

Tổng tài sản và tổng nguồn vốn của Công ty so với năm 2011 không có biến động lớn. Trong đó, đáng lưu ý: Tài sản dài hạn của Công ty chủ yếu là do Công ty thực hiện các dự án đầu tư hạ tầng giao thông theo hình thức BT và BOT như: Tuyến đường từ đường Lê Đức Thọ đến đường 70, dự án BOT quốc lộ 21, dự án BOT quốc lộ 10, dự án BT 21, dự án BT 39, khu đô thị Xuân Phương,... và đầu tư vào TSCĐ.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Trong năm 2012, Ban Tổng Giám đốc đã tập trung công tác quản lý điều hành sản xuất kinh doanh; tập trung vào một số việc như sau:

- Phân công trách nhiệm và phân định rõ quyền và phương pháp trao đổi, phối hợp giữa Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng quản trị.
- Xây dựng và vận hành hệ thống Kế hoạch - Báo cáo toàn Công ty; bắt đầu áp dụng và duy trì Hệ thống Mục tiêu BSC trong toàn Công ty gắn kết giữa mục tiêu từ Công ty - các khối - các phòng - ban và từng CBNV Công ty.
- Xây dựng kế hoạch công việc, xác lập và đánh giá mục tiêu của từng bộ phận theo từng tháng, kiểm soát tiến độ của các công việc trọng yếu.
- Thường xuyên, liên tục rà soát kế hoạch tài chính, kế hoạch dòng tiền nhằm cân đối tài chính trong điều kiện nguồn vốn khó khăn, đảm bảo dòng tiền phục vụ cho SXKD, chi trả nợ vay ngân hàng.
- Công tác phát triển nguồn nhân lực: Công ty tiếp tục triển khai và hoàn thành dự án Tái cấu trúc, hệ thống quản trị nhân sự với sự hỗ trợ của Công ty Tư vấn quản trị Nguồn nhân lực L&A. Hoàn thành Bộ tiêu chí năng lực cốt lõi cho từng vị trí; Bộ từ điển năng lực toàn Công ty - đang hiệu chỉnh và chính thức áp dụng từ 2013 nhằm tăng hiệu quả trong công tác tuyển dụng, đào tạo và sử dụng nguồn nhân lực của Công ty.

- Công ty tiếp tục triển khai và hoàn thành dự án tư vấn của Công ty TNHH KPMG nhằm nâng cấp hệ thống kiểm soát nội bộ và đưa hệ thống quản trị rủi ro vào áp dụng nhằm hạn chế rủi ro trong hoạt động kinh doanh và bảo toàn vốn cho cổ đông.
- Duy trì hệ thống các quy trình theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008, tổ chức chứng nhận BVQI đã đánh giá và tái chứng nhận đạt chuẩn ISO 9001:2008 cho Công ty trong 2012.
- Công bố thông tin được thực hiện đầy đủ, kịp thời, trung thực theo đúng quy định của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và UBCKNN.

4. Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2013

4.1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh

Năm 2013 được nhận định tiếp tục rất khó khăn đối với các lĩnh vực sản xuất kinh doanh của Công ty, Ban Giám đốc trình kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2013 như sau:

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	Các chỉ tiêu	Kết quả thực hiện năm 2012	Kế hoạch năm 2013
1	Doanh thu bán hàng	1.128	1.500
	<i>Thầu Xây dựng</i>	833	1.250
	<i>Đầu tư</i>	295	250
2	Lợi nhuận trước thuế	43,53	160
3	Cổ tức	8%	12%

4.2. Kế hoạch thực hiện các dự án đầu tư và nhu cầu vốn đầu tư năm 2013 của các dự án

Trong năm 2013, trước bối cảnh thị trường BĐS còn gặp khó khăn, Công ty sẽ tập trung cho công tác chuẩn bị đầu tư các dự án nhà ở đã có khách hàng đặt trước; triển khai các dự án hạ tầng, dự án BOT, cụ thể như sau:

Đơn vị tính: Tỷ đồng

TT	Dự án	Tổng mức đầu tư	Lũy kế thực hiện đến 31/12/2012	KHTH năm 2013	Nhu cầu vốn CSH bổ sung 2013
I	DỰ ÁN ĐANG TRIỂN KHAI	6.313	1.233	500	108
1	Dự án Đầu tư xây dựng tuyến đường từ đường Lê Đức Thọ đến đường 70	1.543	342	80	24
2	Dự án cải tạo, nâng cấp QL10 đoạn từ cầu La Uyên đi Cầu Tân Đệ tỉnh Thái Bình - BOT 10	650	325	320	64
3	Dự án đơn vị ở số 3 và phần còn lại của đơn vị ở số 2 khu đô thị mới Xuân Ngọc	2.000	566	100	20
II	DỰ ÁN ĐANG CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ	3.800	-	1.300	195
1	Dự án mở rộng BOT QL1A đoạn Quảng Bình	2.000	-	600	90

TT	Dự án	Tổng mức đầu tư	Lũy kế thực hiện đến 31/12/2012	KHTH năm 2013	Nhu cầu vốn CSH bổ sung 2013
2	Dự án mở rộng BOT QL1A đoạn Hà Tĩnh	1.000	-	400	60
3	Dự án BOT QL14	800	-	300	45
III	ĐẦU TƯ VÀO CÁC DNDA	4.690	1.920	1.028	57
1	Dự án BT21 (tính theo tỷ lệ góp vốn)	2.618	1.389	800	41
2	Dự án BT39 (tính theo tỷ lệ góp vốn)	2.072	531	228	16
IV	BỔ SUNG VỐN LƯU ĐỘNG				100
	Tổng cộng	14.803	3.153	2.828	460

Để thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2013: Ngoài số vốn tự có tham gia theo quy định như trên, Công ty còn phải huy động thêm các nguồn vốn từ các tổ chức tín dụng và các nhà đầu tư khác để triển khai thực hiện dự án và bổ sung vốn lưu động.

5. Các giải pháp thực hiện năm 2013

5.1. Đối với sản phẩm Xây lắp.

- Đẩy mạnh công tác bán hàng và tăng cường quản lý chất lượng công trình nhằm đảm bảo tốc độ tăng doanh thu và mở rộng đối tượng khách hàng.
- Tăng cường hoạt động chăm sóc khách hàng, đảm bảo chất lượng các công trình đang thi công để tiếp thị, phát triển thị trường tại các địa phận mới như: Hà Giang, Lào Cai, Cao Bằng,... và mở rộng tiếp cận đối với các nguồn vốn nước ngoài (ODA, WB) hoặc vốn tư nhân.
- Nâng cao hiệu quả đấu thầu và tập trung cho các gói thầu quy mô lớn, điều kiện thi công tốt hơn nhằm đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh cũng như tốc độ tăng trưởng của Công ty.
- Nâng cao năng lực của Công ty trên thị trường thông qua việc liên danh, liên kết với các nhà thầu quốc tế hoặc các đối tác lớn để có thể tham gia những gói thầu theo Luật đấu thầu Quốc tế với quy mô từ 1.000 tỷ đồng trở lên.

5.2. Đối với hoạt động Đầu tư

- Thực hiện đầu tư thận trọng và tập trung các dự án hạ tầng giao thông theo hình thức BOT, BT tạo nên sự phát triển bền vững, tập trung mở rộng đầu tư các dự án BOT QL1A và BOT QL14 hoàn vốn bằng nguồn thu phí đường bộ;
- Nâng cao năng lực của Công ty để đảm bảo đủ khả năng làm Chủ đầu tư các dự án BOT nêu trên và đủ năng lực cạnh tranh để trúng thầu các gói thầu có quy mô lớn trong và ngoài nước.

5.3. Đối với hoạt động tài chính

- Phát triển các kênh huy động vốn thông qua thị trường chứng khoán và duy trì, mở rộng mối quan hệ với các tổ chức tín dụng trong và ngoài nước để đáp ứng nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư của Công ty.
- Tăng cường công tác quản trị rủi ro tài chính.

- Chú trọng và duy trì tốt công tác lập kế hoạch tài chính ngắn, trung và dài hạn để xác định nhu cầu vốn cho từng thời kỳ nhằm hoạch định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty để đảm bảo lợi ích cho các cổ đông, khách hàng...
- Tăng cường công tác quản lý, giám sát đầu tư vào các Công ty con, Công ty liên kết, tập trung vốn đầu tư vào các Công ty hoạt động có hiệu quả.
- Thúc đẩy công tác thu hồi vốn từ các khối lượng công trình đã được Chủ đầu tư nghiệm thu để đảm bảo vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh;

6. Công tác quản lý điều hành

- Rà soát và hoàn thiện hệ thống Quy chế, Quy định, Quy trình theo tư vấn của KPMG.
- Hoàn thành và vận hành hệ thống quản trị rủi ro tại Công ty.
- Xây dựng và áp dụng thành thạo hệ thống Mục tiêu - Kế hoạch - Báo cáo quản trị phù hợp với hoạt động thực tế của Công ty.
- Hoạch định lại hệ thống các quy trình quản lý phù hợp với thực tế hoạt động của Công ty; duy trì và cải tiến hệ thống quản trị chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008.
- Áp dụng giao mục tiêu - đánh giá mục tiêu - chuyển kết quả vào tính lương thưởng nhằm khích lệ người lao động tăng năng suất.
- Hoàn thành hệ thống quản trị nguồn nhân lực thông qua Thẻ điểm cân bằng (BSC); hệ thống lương, thưởng, đãi ngộ, hệ thống quản lý năng lực và hoạch định nhân sự kế thừa
- Xây dựng và áp dụng các phần mềm mới do Doanh nghiệp tự phát triển như: Phần mềm bán hàng, phần mềm nhân sự, đánh giá khuyến nghị cải tiến...
- Xây dựng và truyền thông về thương hiệu TARIC, xây dựng văn hóa doanh nghiệp theo đúng giá trị cốt lõi của Công ty.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

- Về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh: Năm 2012 là năm rất khó khăn đối với ngành xây dựng cầu đường do Nhà nước cắt giảm đầu tư công; các công trình do các chủ đầu tư khác đều dừng chờ; thị trường bất động sản trầm lắng, thanh khoản kém, hàng tồn kho cao,...Điều này đã ảnh hưởng không nhỏ tới kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2012 của Công ty. Cụ thể:

+ Doanh thu thực hiện năm 2012 là 1.128 tỷ đồng, đạt 75,2% so với kế hoạch (1.500 tỷ đồng). Trong đó, doanh thu từ thầu xây dựng đạt 92,5%; doanh thu từ bất động sản chỉ đạt 49,2% so với kế hoạch đặt ra.

+ Lợi nhuận trước thuế thực hiện là 43,53 tỷ đồng, đạt 33,4% so với kế hoạch (130 tỷ đồng).

- Về phát hành cổ phiếu: Nợ xấu tăng cao cùng những bất ổn vĩ mô và hệ thống ngân hàng,...năm vừa qua đã khiến thị trường chứng khoán thiếu tính hấp dẫn với các nhà đầu tư. Do đó, Công ty không thực hiện được việc phát hành tăng vốn điều lệ;

- Về phát hành trái phiếu chuyển đổi: Công ty đã thực hiện phát hành thành công 159,5 tỷ đồng/350 tỷ đồng trái phiếu chuyển đổi;

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty

Năm 2012, Ban Tổng Giám đốc đã có nỗ lực rất lớn trong việc điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty nhằm hoàn thành các chỉ tiêu kinh doanh do Đại hội đồng cổ đông và HĐQT giao.

- Đối với lĩnh vực thầu xây dựng: Năng lực và uy tín của Công ty trong lĩnh vực thầu xây dựng ngày càng tăng, giữ vững được thương hiệu và chất lượng các công trình đã được các chủ đầu tư đánh giá cao, đảm bảo đúng tiến độ và chất lượng công trình như: Đường 490C, Quốc lộ 39B,

Đường Nguyễn Cơ Thạch, Đường Trần Hữu Dực, cầu Phù Vân,...tạo nên thương hiệu uy tín của Công ty trong lĩnh vực Hạ tầng giao thông.

- Đối với lĩnh vực kinh doanh bất động sản: Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện đầu tư các dự án phù hợp với điều kiện chung của thị trường bất động sản, dần từng bước xây dựng thương hiệu của Công ty trong lĩnh vực này thông qua các dự án: Khu đô thị Vân Canh, Khu đô thị Xuân Phương....

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị năm 2013

3.1. Định hướng kinh doanh

- Trong năm 2013, thị trường bất động sản được nhận định chưa có tín hiệu khả quan, HĐQT Công ty định hướng tiếp tục giữ vững và tăng trưởng mạnh mẽ các sản phẩm trong các lĩnh vực sau:

+ Sản phẩm truyền thống là thầu xây dựng các công trình hạ tầng giao thông, thủy lợi và xây dựng dân dụng có giá trị lớn;

+ Tiếp tục đầu tư các dự án hạ tầng giao thông theo hình thức BOT, hoàn vốn bằng nguồn thu phí đường bộ để tạo nên sự phát triển bền vững, quyết tâm tập trung mọi nguồn lực để đủ năng lực làm Chủ đầu tư các dự án BOT và ký hợp đồng sớm nhất để triển khai thực hiện được trong năm 2013 với giá trị như sau:

TT	Dự án	Tổng mức đầu tư (Dự kiến)	KH thực hiện năm 2013
1	Dự án mở rộng BOT QL1A đoạn Quảng Bình	2.000	600
2	Dự án mở rộng BOT QL1A đoạn Hà Tĩnh	1.000	400
3	Dự án BOT QL14	800	300

3.2. Công tác quản trị

- Thành lập các tiểu ban: Tiểu ban Chiến lược và Đầu tư; Tiểu ban Nhân sự và Chế độ đãi ngộ; Tiểu ban Kiểm toán Nội bộ và Tiểu ban Văn hóa Doanh nghiệp để giúp việc cho HĐQT trong công tác định hướng, quản trị và giám sát các hoạt động của Ban Tổng Giám đốc điều hành. Đồng thời HĐQT có chủ trương mời các chuyên gia đầu ngành tham gia vào hoạt động của các tiểu ban để tiến tới xem xét giới thiệu với ĐHCĐ lựa chọn bầu làm thành viên HĐQT độc lập để tham gia quản trị Công ty đảm bảo tính độc lập và minh bạch hơn;

- Nâng cấp hệ thống kiểm soát nội bộ (Trên cơ sở hoàn thành dự án tư vấn của KPMG) và đưa hệ thống quản trị rủi ro vào áp dụng;

- Nâng cao hơn nữa hiệu quả về việc áp dụng hệ thống quản trị nguồn nhân lực vào hoạt động SXKD của Công ty;

- Tập trung chỉ đạo và giám sát Ban Tổng Giám đốc xây dựng và truyền thông văn hóa doanh nghiệp theo lộ trình;

- Tăng cường hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước để tìm kiếm nguồn vốn, cơ hội hợp tác đầu tư kinh doanh;

- Tiếp tục tái cấu trúc các Công ty con theo hướng chuyên môn hóa sâu, theo ngành nghề của Công ty mẹ và đồng thời:

+ Hoàn thành XD hệ thống quản trị nhân sự.

+ Hoàn thành hệ thống quản trị rủi ro đưa vào vận hành.

3.3. Giao mục tiêu tài chính năm 2013 cho TGD:

- Doanh thu:	1.500 tỷ đồng
- Lợi nhuận trước thuế:	160 tỷ đồng
- Cổ tức:	12%/Năm

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

1.1. Tổ chức nhân sự

Tại Đại hội đồng cổ đông năm tài chính 2011 ngày 18/4/2011, Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) đã bầu ra HĐQT nhiệm kỳ 2012 - 2017 gồm 07 thành viên là những người có nhiều kinh nghiệm trong quản trị doanh nghiệp, quản trị tài chính và đầu tư. Sau khi kết thúc ĐHĐCĐ, HĐQT nhiệm kỳ 2012 - 2017 đã khẩn trương kiện toàn tổ chức, bầu Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐQT và cơ cấu các thành viên HĐQT theo tư duy quản trị mới, với 4 thành viên HĐQT chuyên trách không trực tiếp tham gia điều hành (Trong đó có Chủ tịch HĐQT), chỉ có 2 thành viên trực tiếp tham gia điều hành, còn 1 thành viên là đại diện phần vốn của Nhà nước tại Công ty. Đồng thời, thành lập Văn phòng HĐQT để giúp việc cho HĐQT nhằm đảm bảo tính minh bạch và nâng cao hơn nữa hiệu quả trong công tác định hướng, quản trị và giám sát các hoạt động điều hành của Công ty.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần của thành viên HĐQT : 21,54%

STT	Tên tổ chức/ cá nhân	Chức vụ/ mối quan hệ với cổ đông nội bộ	Số lượng cổ phiếu nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ
1	Tập đoàn Đầu tư Phát triển Nhà và đô thị	Ủy viên HĐQT	4.524.480	12,93%
2	Phạm Quang Dũng	Chủ tịch HĐQT	2.230.538	6,37%
3	Phạm Văn Lương	Phó chủ tịch HĐQT	389.578	1,11%
4	Cao Văn Hưng	Ủy viên HĐQT kiêm TGD	113.342	0,32%
5	Trần Thị Thanh Tân	Ủy viên HĐQT	62.470	0,18%
6	Phạm Thị Nhân	Ủy viên HĐQT	63.029	0,18%
7	Vũ Quang Lâm	Ủy viên HĐQT	158.901	0,45%
	Tổng Cộng		7.542.338	21,54%

Danh sách thành viên HĐQT:

1. Ông Phạm Quang Dũng

Chức vụ: Chủ tịch HĐQT

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 12/04/1954

Nơi sinh: Nam Định

Quốc tịch: Việt Nam

Quê quán: Hải Phòng - Hải Hậu – Nam Định

Chứng minh nhân dân: 01302570 cấp ngày 12/12/2007 tại Hà Nội

Địa chỉ thường trú: E2103 – TheManor, Mỹ Đình, Sông Đà, Mễ Trì, Từ Liêm, Hà Nội

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế ngành quản trị kinh doanh

Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
07/1980- 08/1994	Ban chỉ huy công trường Thủy Lợi – Hải Hậu	Kế toán
08/1994- 06/1997	Công ty xây dựng huyện Hải Hậu – Nam Định	Đội trưởng đội thi công – Phó giám đốc
7/1997-10/1998	Công ty công trình Giao thông Nam Định	Phó Giám đốc
11/1998-12/2000	Công ty công trình Giao thông Nam Định	Giám đốc
T1/2001 đến nay	Công ty Cổ phần Tasco	Chủ tịch HĐQT

2. Ông Phạm Văn Lương

Chức vụ hiện tại: Phó Chủ tịch HĐQT

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 05/09/1957

Nơi sinh: Nam Định

Quốc tịch: Việt Nam

Quê quán: Liêm Hải - Ninh Nam - Nam Định

Chứng minh nhân dân: 162057066

Địa chỉ thường trú: Số nhà 22 Tô Hiệu, Phường Ngô Quyền, Thành phố Nam Định

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán ngành kế toán doanh nghiệp

Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
1973 – 1976	Ty Thủy lợi – Hà Nam Ninh	Công nhân kỹ thuật
1977 – 1978	Trường nghiệp vụ I Thủy lợi – Mê Linh – Vĩnh Phúc	Học sinh
1978- 1983	Trường sỹ quan công binh	Học viên
1983-1988	Trường sỹ quan công binh Sông Bé	Giáo viên
1988 – 1997	Xí nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng	Quản đốc
1997- 1998	Đội khai thác Công ty liên doanh công trình miền Trung	Đội trưởng
1998 – 2002	Đội công trình 14 Công ty công trình giao thông Nam Định	Đội trưởng
2002 – 4/3/2009	Công ty cổ phần (Thành Công) Tasco	Giám đốc điều hành
4/3/2009 - 5/2012	Công ty CP TASCOT	Tổng Giám Đốc
5/2012 đến nay	Công ty CP TASCOT	Phó Chủ tịch HĐQT

3. Ông Cao Văn Hưng

Chức vụ hiện tại: Ủy viên HĐQT – Tổng Giám đốc

Giới tính: Nam
 Ngày sinh: 7/3/1973
 Nơi sinh: Tam Thanh – Vụ Bản – Nam Định
 Quốc tịch: Việt Nam
 Quê quán: Tam Thanh – Vụ Bản – Nam Định
 Chứng minh nhân dân: 161902460
 Địa chỉ thường trú: Số 3- Ngõ 72- Đường Trần Thái Tông – P.Thống nhất- TP Nam Định
 Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán thống kê
 Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
1996-2001	Công ty CTGT Nam định	Cán bộ kỹ thuật
2001-2004	Công ty CP Thành Công	Đội trưởng
2004-2006	Công ty CP TASCOT	Giám đốc Chi nhánh tại HN
2006-2009	Công ty CP TASCOT	Giám đốc Chi nhánh tại TP HCM
2009-T4/2012	Công ty CP XD TASCOT	Giám đốc-Chủ tịch HĐQT Công ty
T5/2012- nay	Công ty CP TASCOT	Tổng Giám đốc

4. Ông Vũ Quang Lâm

Chức vụ hiện tại: Ủy viên HĐQT
 Giới tính: Nam
 Ngày sinh: 08/04/1975
 Nơi sinh: Yên Khánh – Ý Yên – Nam Định
 Quốc tịch: Việt Nam
 Quê quán: Yên Khánh – Ý Yên – Nam Định
 Chứng minh nhân dân: 162043265 cấp ngày 23/03/2003 tại Nam Định
 Địa chỉ thường trú: Phòng 1106, CT5, X2, Bắc Linh Đàm, Q. Hoàng Mai, Hà Nội
 Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế xây dựng giao thông
 Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
1997-1999	Tổng Công ty xây dựng Sông Đà	
1999-2001	Công ty Samwhan Corporation – Hàn Quốc	
2002- đến nay	Công ty cổ phần Tasco	Ủy viên HĐQT – Phó Tổng Giám đốc đầu tư

5. Bà Trần Thị Thanh Tân

Chức vụ hiện tại: Ủy viên Hội đồng quản trị
 Giới tính: Nữ
 Ngày sinh: 7/8/1971
 Nơi sinh: Nam Định
 Quốc tịch: Việt Nam
 Quê quán: Vụ Bản – Bình Lục – Hà Nam
 Chứng minh nhân dân: 162076741

Địa chỉ thường trú: C6T6 Tòa 335- Đường Cầu Giấy – Phường Dịch Vọng- Cầu Giấy- Hà nội

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
1994-T10/2001	Công ty CP TASCOT	Kế toán đội
2001-T3/2003	Công ty CP TASCOT	Kế toán tổng hợp
T4/2003-T6/2007	Công ty CP TASCOT	Kế toán trưởng
T7/2007-T7/2011	Công ty CP TASCOT	TP kiểm toán nội bộ
T8/2011- T5/2012	Công ty CP TASCOT	Phó TGD Tài chính
T5/2012 đến nay	Công ty CP TASCOT	Ủy viên Hội đồng quản trị

6. Bà Phạm Thị Nhân

Chức vụ hiện tại: Ủy viên Hội đồng quản trị

Giới tính: Nữ

Ngày sinh: 22/02/1962

Nơi sinh: Hồng Thuận – Giao Thủy - Nam Định

Quốc tịch: Việt Nam

Quê quán: Hồng Thuận – Giao Thủy - Nam Định

Chứng minh nhân dân: 160264836 cấp ngày 07/07/1978 tại Nam Định

Địa chỉ thường trú: 118- Giải phóng – Nam Định

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế ngành kế toán

Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
1983-1985	Xí nghiệp gạch Nam An	Nhân viên kế toán
1985-2007	Công ty XNK thủ công mỹ nghệ tỉnh Nam Định	Kế toán trưởng
5/2007 – 5/2012	Công ty cổ phần Tasco	Kế toán trưởng
5/2012 đến nay	Công ty cổ phần Tasco	Ủy viên Hội đồng quản trị

7. Bà Nguyễn Thị Thúy

Chức vụ hiện tại: Ủy viên Hội đồng quản trị

Giới tính: Nữ

Ngày sinh: 13/11/1961

Nơi sinh: Hà Tây

Quốc tịch: Việt Nam

Quê quán: Yên Khang, Ý Yên, Nam Định

Chứng minh nhân dân: 011549012

Địa chỉ thường trú: 34/4 Kim Đồng, Hoàng Mai, Hà

Nội Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán

Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
11/1984 – 12/1991	BQL Nhà ở Đường 1A sau đó đổi tên là Công ty Phát triển Nhà và Đô thị	Nhân viên Kế toán
12/1991 – 12/2003	Công ty Phát triển Nhà và Đô thị sau đó đổi tên là Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị - HUD	Phó Phòng Tài chính Kế toán kiêm Ủy viên HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD 1
01/2004 đến nay	Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị - HUD	Phó Phòng Tài chính Kế toán kiêm Ủy viên HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD 1, Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD 3, Công ty Cổ phần TASCOT

1.2. Hoạt động của Hội đồng Quản trị

Trong năm 2012, HĐQT của Công ty đã tổ chức 11 cuộc họp và ban hành 25 Nghị quyết, Quyết định nhằm hoạch định chiến lược, đưa ra các quyết sách kịp thời, phù hợp với điều kiện thực tế của doanh nghiệp cũng như diễn biến thị trường và hỗ trợ tích cực Ban Tổng Giám đốc trong việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2012 do ĐHCĐ giao. Các phiên họp của HĐQT đều có biên bản họp ghi lại đầy đủ, trung thực các ý kiến đóng góp của thành viên HĐQT, Nghị quyết về các vấn đề được HĐQT nhất trí thông qua và các Quyết định của HĐQT cụ thể hóa các nội dung tại Nghị quyết.

Thành viên của Văn phòng HĐQT bao gồm các thành viên HĐQT chuyên trách và một số thành viên khác, thực hiện chế độ họp định kỳ hàng tuần để giải quyết các công việc thuộc thẩm quyền của Chủ tịch HĐQT và các nhiệm vụ do HĐQT giao, đồng thời chủ động sát cánh cùng ban điều hành trong việc giải quyết các công việc liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Nhìn chung với năng lực, kinh nghiệm, trí tuệ của từng thành viên, chất lượng hoạt động của HĐQT ngày càng được nâng cao, tạo ra môi trường làm việc dân chủ, phát huy sức mạnh tập thể trong việc đưa ra nhiều quyết sách đáp ứng kịp thời yêu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

1.3. Hoạt động của Thành viên HĐQT

Trong năm 2012, Chủ tịch HĐQT đã quản lý và điều hành chiến lược phát triển Công ty nhằm đảm bảo hoạt động của HĐQT theo đúng pháp luật, điều lệ Công ty, phù hợp với các chủ trương, định hướng đã đề ra của ĐHCĐ, HĐQT và các thông lệ quản lý hiện đại.

Từng thành viên HĐQT đã hoàn thành nhiệm vụ của mình trong công tác quản trị và giám sát các hoạt động của Ban Tổng Giám đốc điều hành trong từng lĩnh vực.

Thông qua các buổi họp giao ban hàng tuần, từng thành viên HĐQT chuyên trách đã đẩy mạnh công tác giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác nhằm đảm bảo hoạt động của Công ty được an toàn, tuân thủ theo đúng pháp luật, triển khai thực hiện đúng

các Nghị quyết của HĐQT và HĐQT.

1.4. Số lượng thành viên Hội đồng Quản trị đã có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty: 07 người.

2. Hoạt động của Ban kiểm soát

2.1. Thành viên và cơ cấu Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có 3 thành viên, gồm 01 Trưởng ban và 02 Thành viên:

- Ông Phạm Huy Hoàng: Trưởng ban
- Ông Nguyễn Văn Đoàn: Thành viên
- Ông Phạm Hồng Điệp: Thành viên

2.2. Hoạt động của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát đại diện cho cổ đông đã thường xuyên giám sát toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty, giám sát HĐQT và Tổng giám đốc trong việc điều hành và quản lý Công ty.

Hàng quý, Ban kiểm soát họp và đánh giá các mặt hoạt động của Công ty, đề ra các nhiệm vụ giám sát cụ thể của từng thành viên cho từng quý và các vấn đề cần tập trung giám sát, cụ thể: giám sát về thực hiện quy chế, giám sát về quản lý tài chính,... Thông qua Điều lệ, các NQ của HĐQT, việc điều hành của Ban Tổng Giám đốc và qua các sổ sách báo cáo kế toán của các quý, năm.

BKS thường xuyên tiếp xúc và tiếp nhận thông tin từ các cổ đông; xem xét nghiêm túc các ý kiến của Cổ đông và có ý kiến với HĐQT để giải quyết kịp thời.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng Quản trị, Ban giám đốc và Ban Kiểm soát năm 2012

- Năm 2012, Công ty thực hiện chi thù lao cho HĐQT và Ban kiểm soát theo đúng NQ đã được Đại hội thông qua ngày 18/4/2012 bằng 1% lợi nhuận trước thuế của năm 2012 tương ứng với số tiền 435.300.000 đồng.

- Thông tin về các giao dịch cổ phiếu với cổ đông nội bộ:

+ Giao dịch cổ phiếu của Công ty của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc năm 2012:

TT	Tên tổ chức/ cá nhân	Cổ đông nội bộ	Giao dịch mua	Giao dịch bán	Số lượng cổ phần nắm giữ
1	Lê Thị Ngọc	Kế toán trưởng	20.000		20.100

+ Những người có liên quan đến các đối tượng nói trên đã giao dịch bán: Không có

- Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty:

Hoàn thiện và nâng cao hiệu quả công tác quản trị, phát triển nguồn nhân lực của Công ty là một trong nhiệm vụ trọng tâm của HĐQT. Năm 2012, HĐQT đã thực hiện sửa đổi và ban hành một số quy chế, quy định, như sau:

- Cơ cấu tổ chức mới của Công ty và bổ nhiệm Tổng Giám đốc;
- Quy chế tạm thời về việc quản trị nguồn lực của Công ty;
- Quy chế giao khoán công trình (Sửa đổi);
- Quy chế lương, thưởng và chế độ phúc lợi;
- Chức năng nhiệm vụ Văn phòng HĐQT và phân công nhiệm vụ của từng thành viên HĐQT;
- Cơ chế phối hợp giữa HĐQT và Ban Tổng Giám đốc;
- Hoàn thành hệ thống quản trị nhân sự và đưa vào vận hành đem lại hiệu quả;
- Hiện nay đang xây dựng Hệ thống quản trị rủi ro (Thuê tư vấn KPMG) nhằm quản lý và bảo

toàn vốn cho các cổ đông để đem lại hiệu quả cao hơn trong hoạt động SXKD của Công ty.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ý kiến kiểm toán: Theo ý kiến của CPA VIETNAM, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, xét trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần TASCOT đã được kiểm toán

Địa chỉ công bố, cung cấp Báo cáo tài chính Công ty và Báo cáo tài chính hợp nhất:

<http://taric.com.vn/>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2012	01/01/2012
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		1.495.817.658.883	1.936.790.426.443
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	63.446.806.706	154.520.948.747
1. Tiền	111		29.016.806.706	21.316.948.747
2. Các khoản tương đương tiền	112		34.430.000.000	133.204.000.000
II- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	5.077.309.615	45.797.649.751
1. Đầu tư ngắn hạn	121		5.077.309.615	46.024.490.521
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	(226.840.770)
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.061.579.424.953	1.376.931.743.533
1. Phải thu khách hàng	131		720.215.225.105	746.956.418.143
2. Trả trước cho người bán	132		305.620.224.464	610.689.758.280
5. Các khoản phải thu khác	135	5.3	36.962.783.411	20.106.393.826
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(1.218.808.027)	(820.826.716)
IV- Hàng tồn kho	140		237.783.119.484	212.049.818.544
1. Hàng tồn kho	141	5.4	237.783.119.484	212.049.818.544
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		127.930.998.125	147.490.265.868
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		46.897.785	106.405.336
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		78.979.324.299	99.549.579.026
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		3.577.979	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.5	48.901.198.062	47.834.281.506
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		2.672.052.533.690	2.485.546.158.772
II- Tài sản cố định	220		2.618.713.150.750	2.438.752.763.173
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.6	738.759.955.232	43.695.703.307
- Nguyên giá	222		814.793.476.280	69.817.043.962
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(76.033.521.048)	(26.121.340.655)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	5.7	6.207.686.125	8.379.128.825
- Nguyên giá	225		11.169.758.155	12.420.578.835
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(4.962.072.030)	(4.041.450.010)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.8	682.932.823	926.304.875
- Nguyên giá	228		1.425.262.488	1.480.018.488
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(742.329.665)	(553.713.613)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	5.9	1.873.062.576.570	2.385.751.626.166
IV- Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		44.914.653.991	30.646.462.173
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	5.10	21.673.653.991	23.806.462.173
3. Đầu tư dài hạn khác	258	5.11	23.241.000.000	6.840.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		8.424.728.949	16.146.933.426
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.12	7.507.874.760	15.807.933.426
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		394.313.689	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		522.540.500	339.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		4.167.870.192.573	4.422.336.585.215

Mẫu B 01-DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2012	01/01/2012
			VND	VND
A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		3.556.200.142.577	3.842.932.737.860
I- Nợ ngắn hạn	310		937.922.927.586	957.859.548.936
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.13	290.842.951.184	265.788.575.146
2. Phải trả người bán	312		177.922.979.045	77.697.118.000
3. Người mua trả tiền trước	313		142.576.399.327	320.837.243.758
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.14	10.674.670.483	22.950.567.516
5. Phải trả người lao động	315		6.061.055.558	6.760.082.839
6. Chi phí phải trả	316	5.15	34.839.561.891	60.882.280.207
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.16	271.291.102.478	202.651.211.150
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		3.714.207.620	292.470.320
II- Nợ dài hạn	330		2.618.277.214.991	2.885.073.188.924
3. Phải trả dài hạn khác	333	5.17	934.546.060.954	971.594.010.954
4. Vay và nợ dài hạn	334	5.18	1.683.731.154.037	1.913.239.163.487
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	240.014.483
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		556.879.425.456	528.545.024.162
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.19	556.879.425.456	528.545.024.162
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		349.976.000.000	349.976.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		72.222.032.987	72.257.032.987
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		31.974.455.915	19.182.697.924
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		11.871.864.337	6.610.011.398
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		90.835.072.217	80.519.281.853
C - LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		54.790.624.540	50.858.823.193
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400+439)	440		4.167.870.192.573	4.422.336.585.215

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Chỉ tiêu	TM	31/12/2012	01/01/2012
		VND	VND
1. Tài sản thuê ngoài		2.103.739.050	2.103.739.050
4. Nợ khó đòi đã xử lý		504.297.458	420.531.850

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2012	Năm 2011
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.20	2.086.077.101.189	1.534.764.254.010
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	5.20	10.555.282.068	48.934.752.428
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	5.20	2.075.521.819.121	1.485.829.501.582
4. Giá vốn hàng bán	11	5.21	1.978.946.261.297	1.319.484.349.941
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		96.575.557.824	166.345.151.641
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.22	16.947.069.783	23.524.365.837
7. Chi phí tài chính	22	5.23	9.730.901.258	21.814.258.338
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		23	<i>9.617.266.493</i>	<i>20.663.279.882</i>
8. Chi phí bán hàng	24		479.521.207	764.294.942
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		50.162.890.944	45.561.069.271
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		53.149.314.198	121.729.894.927
11. Thu nhập khác	31	5.24	2.194.082.147	4.660.883.194
12. Chi phí khác	32	5.24	6.142.042.444	2.714.242.015
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	5.24	(3.947.960.297)	1.946.641.179
14. Phần lãi (lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh	45		(1.745.428.991)	2.011.212.173
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)	50		47.455.924.910	125.687.748.279
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.25	9.902.806.577	24.822.081.078
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	5.27	(394.313.689)	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		37.947.432.022	100.865.667.201
19. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông thiểu số	61		1.136.697.347	13.668.774.096
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	62		36.810.734.675	87.196.893.105
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.26	1.052	2.492

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	47.455.924.910	125.687.748.279
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	12.770.164.525	10.332.618.378
- Các khoản dự phòng	03	157.966.828	505.653.102
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(15.718.370.083)	(7.341.527.663)
- Chi phí lãi vay	06	8.827.285.462	20.598.933.914
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	53.492.971.642	149.783.426.010
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	449.105.260.793	(383.288.180.052)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(14.421.069.728)	(42.338.828.250)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(245.585.401.156)	462.020.209.480
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	8.779.087.972	(12.563.055.622)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(9.354.960.135)	(20.663.279.882)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(13.307.169.659)	(25.226.563.400)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	3.200.000.000	2.464.366.369
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(6.846.502.210)	(6.826.932.690)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	225.062.217.519	123.361.161.963
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(205.448.157.613)	(796.961.542.979)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	163.636.364	34.935.039.025
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(314.928.792.948)	(546.641.286.122)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	366.360.599.751	537.975.878.304
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(3.440.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	500.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	13.691.405.828	19.639.262.234
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(140.161.308.618)	(753.992.649.538)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	1.114.689.814.340	1.643.537.436.578
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.288.421.367.115)	(955.991.566.619)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	(2.202.080.637)	(3.270.266.900)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(41.417.530)	(24.320.084.400)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(175.975.050.942)	659.955.518.659
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)	50	(91.074.142.041)	29.324.031.084
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	154.520.948.747	125.196.917.663
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	63.446.806.706	154.520.948.747

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu B 09-DN/HN

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tasco (gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là đội cầu Nam Hà, được thành lập năm 1971. Công ty chính thức được thành lập ngày 27/3/1976 với tên gọi Công ty Cầu Hà Nam Ninh, trên cơ sở sát nhập đội cầu Nam Hà và Xí nghiệp Xây dựng Cầu đường Ninh Bình. Tháng 11 năm 2000, Công ty đã tiến hành cổ phần hoá, từ doanh nghiệp Nhà nước chuyển sang hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần, theo Quyết định số 2616/2000/QĐ-UB ngày 20/11/2000 của UBND tỉnh Nam Định và mang tên Công ty Cổ phần Xây dựng Giao thông và Cơ sở Hạ tầng Nam Định.

Ngày 26/12/2007, Công ty đổi tên thành Công ty Cổ phần Tasco. Năm 2008, Công ty chính thức chuyển đăng ký kinh doanh và trụ sở chính từ Nam Định lên Hà Nội.

Công ty Cổ phần Tasco hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0600264117 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, thay đổi lần 07 ngày 17 tháng 5 năm 2012. Vốn điều lệ của Công ty là 349.976.000.000 đồng. Sở hữu vốn:

Cổ đông	Số cổ phần	VND	Tỷ lệ sở hữu
Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị	4.524.480	45.244.800.000	13%
Cổ đông khác	30.473.120	304.731.200.000	87%
Tổng	34.997.600	349.976.000.000	100%

Công ty được cấp Giấy phép niêm yết Cổ phiếu theo Quyết định số 125/QĐ-TTGDHN ngày 04/4/2008 do Giám đốc Trung tâm giao dịch Chứng khoán Hà Nội ký, chấp thuận niêm yết cổ phiếu cho Công ty Cổ phần Tasco. Ngày 11/4/2008, Cổ phiếu của Công ty chính thức được niêm yết tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội) với mã cổ phiếu là HUT.

Trụ sở chính của Công ty: Tầng 04, Tòa nhà M5, số 91 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật, san lấp mặt bằng;
- Xây lắp điện, nước;
- Sản xuất, mua bán vật liệu xây dựng, cấu kiện bê tông đúc sẵn;
- Tư vấn giám sát công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi;
- Dịch vụ thử nghiệm vật liệu xây dựng, thử nghiệm kiểm tra chất lượng các công trình xây dựng;
- Mua bán, cho thuê, xuất nhập khẩu máy móc thiết bị;
- Dịch vụ du lịch, nhà hàng, ăn uống (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường);
- Kinh doanh phát triển nhà ở, kinh doanh bất động sản, cho thuê văn phòng, nhà ở, nhà xưởng;
- Dịch vụ thu gom và xử lý rác thải, sản xuất các chế phẩm sau rác;
- Mua bán, ươm trồng cây xanh đô thị;
- Tu bổ, tôn tạo, phục hồi, phục dựng di tích lịch sử văn hóa, danh lam thắng cảnh;
- Xây dựng các công trình điện (nhiệt điện, thủy điện);
- Sản xuất điện;
- Đại lý bán điện;
- Kinh doanh, khai thác công trình kết cấu hạ tầng;
- Tư vấn và kinh doanh các dịch vụ về công nghệ môi trường (không bao gồm tư vấn tài chính và tư vấn pháp luật);
- Kinh doanh bãi đỗ xe và gara.

Hoạt động chính của Công ty trong năm: Xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật, kinh doanh phát triển nhà ở, kinh doanh bất động sản.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ và Chuẩn mực kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán Doanh nghiệp và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam có liên quan do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc soạn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất các Báo cáo tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính của các Công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được lập cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/12/2012. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi nhuận từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán trong năm được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày việc mua có hiệu lực hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính hợp nhất của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con khác là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư chủ yếu giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ

đồng thiếu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế kinh doanh. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn và các khoản phải thu khác, các khoản cho vay và công cụ tài chính chưa niêm yết.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản nợ và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu

thăng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên, tính giá hàng tồn kho theo phương pháp bình quân gia quyền. Các công trình xây dựng được tính giá theo phương pháp thực tế đích danh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Năm 2012
	Số năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc và thiết bị	05 - 08
Thiết bị văn phòng	03 - 10
Phương tiện vận tải	06 - 10

Tài sản cố định khác là tài sản hình thành từ dự án đầu tư theo hình thức BOT được phản ánh ban đầu theo giá trị đầu tư và trích khấu hao theo tỷ trọng doanh thu.

Tài sản cố định thuê tài chính

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ phi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Công ty về chi phí đi vay.

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê tài sản. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Công ty hoặc trên thời gian đi thuê, trong trường hợp thời gian này

ngắn hơn, cụ thể như sau:

	Số năm
Máy móc, thiết bị	08
Phương tiện vận tải	06

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Quyền sử dụng đất

Tài sản cố định vô hình Quyền sử dụng đất là Giá trị quyền sử dụng đất có thời hạn tại số 20 Điện Biên, TP. Nam Định, tỉnh Nam Định. Quyền sử dụng đất được phân bổ vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Phần mềm kế toán và phần mềm quản lý

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế, khấu hao được thể hiện theo phương pháp đường thẳng.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các Công ty liên kết được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng Cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của Công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của Công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại Công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại Công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn liên quan đến công cụ và dụng cụ, chi phí trả trước dài hạn khác được phản ánh ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian 2 đến 3 năm.

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán hợp nhất của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty hoặc Đại hội cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy, trường hợp Công ty có thể thu hồi được các khoản chi phí của hợp đồng đã bỏ ra thì doanh thu được ghi nhận chỉ tới mức các chi phí đã bỏ ra có khả năng thu hồi. Khi đó, không một khoản lợi nhuận nào được ghi nhận, kể cả khi tổng chi phí thực hiện hợp đồng có thể vượt quá tổng doanh thu của hợp đồng.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Chi phí đi vay trong năm được vốn hóa với tổng số tiền là 340.863.526.023 đồng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được kế toán theo phương pháp dựa trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận lãi, lỗ trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là Xây lắp và hoạt động khác; Bán hàng và dịch vụ thu phí đường bộ; Đầu tư, Kinh doanh Bất động sản, hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam. Báo cáo bộ phận được lập theo lĩnh vực kinh doanh.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tiền mặt	347.818.919	1.607.520.294
Tiền gửi ngân hàng	28.668.987.787	18.908.325.453
Tiền đang chuyển	-	801.103.000
Các khoản tương đương tiền	34.430.000.000	133.204.000.000
Tổng	63.446.806.706	154.520.948.747

5.2 Đầu tư ngắn hạn

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn	2.077.309.615	43.949.219.751
Đầu tư ngắn hạn khác	3.000.000.000	2.075.270.770
- Cho Công ty Tasco 10 vay	-	1.000.000.000
- Đầu tư ngắn hạn khác	3.000.000.000	1.075.270.770
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	-	(226.840.770)
Tổng	5.077.309.615	45.797.649.751

5.3 Các khoản phải thu khác

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	1.067.084.000	
Phải thu khác	35.895.699.411	20.106.393.826
- Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Từ Liêm	6.850.896.496	-
- Hội đồng bồi thường hỗ trợ và tái định cư huyện Mỹ Lộc	11.537.913.767	6.257.337.550
- Ban QLDA tuyến đường BT Xuân Phương	780.776.192	1.703.288.192
- Công ty CP Tasco 10	2.530.000.000	3.030.000.000
- Công ty Cổ phần Hùng Đức	2.000.000.000	-
- Thuế tạm nộp theo tiến độ thu tiền BĐS	1.575.000.000	-
- Phải thu khác	10.621.112.956	9.115.768.084
Tổng	36.962.783.411	20.106.393.826

5.4 Hàng tồn kho

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	4.865.285.465	601.772.433
Công cụ, dụng cụ	30.449.854	25.759.854
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	232.887.384.165	211.422.286.257
Tổng	237.783.119.484	212.049.818.544

5.5 Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tạm ứng	47.987.498.062	45.971.529.492
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	913.700.000	1.286.296.234
Tài sản thiếu chờ xử lý	-	576.455.780
Tổng	48.901.198.062	47.834.281.506

Số dư tạm ứng tại 31/12/2012 của Công ty là giá trị tạm ứng của các đội thi công công trình trong Công ty.

5.6 Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	<i>DVT: VND</i> Tổng
NGUYÊN GIÁ						
Số dư tại 01/01/2012	16.407.013.288	23.164.056.165	15.751.892.833	14.292.496.914	201.584.762	69.817.043.962
Tăng trong năm	-	3.940.431.242	1.926.968.407	377.830.316	743.681.744.268	749.926.974.233
Mua trong năm	-	3.940.431.242	676.147.727	377.830.316	-	4.994.409.285
Đầu tư XD/CB hoàn thành	-	-	-	-	743.681.744.268	743.681.744.268
Chuyển từ TS thuê tài chính	-	-	1.250.820.680	-	-	1.250.820.680
Giảm trong năm	-	1.728.220.393	3.154.770.613	67.550.909	-	4.950.541.915
Thanh lý, nhượng bán	-	1.728.220.393	3.154.770.613	67.550.909	-	4.950.541.915
Số dư tại 31/12/2012	16.407.013.288	25.376.267.014	14.524.090.627	14.602.776.321	743.883.329.030	814.793.476.280
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư tại 01/01/2012	6.045.439.553	11.013.400.499	5.085.038.459	3.888.537.924	88.924.220	26.121.340.655
Tăng trong năm	874.792.084	1.434.967.593	3.407.561.605	2.701.548.852	44.573.354.080	52.992.224.215
Khấu hao trong năm	874.792.084	1.434.967.593	2.306.186.103	2.701.548.852	3.226.681.318	10.544.175.951
Tăng khác	-	-	-	-	41.346.672.762	41.346.672.762
Chuyển từ TS thuê tài chính	-	-	1.101.375.502	-	-	1.101.375.502
Giảm trong năm	-	1.597.249.934	1.430.823.429	51.970.459	-	3.080.043.822
Thanh lý, nhượng bán	-	1.597.249.934	1.430.823.429	51.970.459	-	3.080.043.822
Số dư tại 31/12/2012	6.920.231.637	10.851.118.158	7.061.776.635	6.538.116.317	44.662.278.300	76.033.521.048
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại 01/01/2012	10.361.573.735	12.150.655.666	10.666.854.374	10.403.958.990	112.660.542	43.695.703.307
Tại 31/12/2012	9.486.781.651	14.525.148.856	7.462.313.992	8.064.660.004	699.221.050.730	738.759.955.232

Trong đó:

Giá trị còn lại của Tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 25.182.669.324 đồng.

Nguyên giá Tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 6.903.516.095 đồng.

5.7 Tài sản cố định thuê tài chính

Đơn vị tính: VND

	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Tổng
NGUYÊN GIÁ			
Số dư tại 01/01/2012	4.887.410.389	7.533.168.446	12.420.578.835
Tăng trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	1.250.820.680	1.250.820.680
Mua lại tài sản thuê tài chính	-	1.250.820.680	1.250.820.680
Số dư tại 31/12/2012	4.887.410.389	6.282.347.766	11.169.758.155
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư tại 01/01/2012	1.734.905.269	2.306.544.741	4.041.450.010
Tăng trong năm	764.285.516	1.257.712.006	2.021.997.522
Khấu hao trong năm	764.285.516	1.257.712.006	2.021.997.522
Giảm trong năm	-	1.101.375.502	1.101.375.502
Mua lại tài sản thuê tài chính	-	1.101.375.502	1.101.375.502
Số dư tại 31/12/2012	2.499.190.785	2.462.881.245	4.962.072.030
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại 01/01/2012	3.152.505.120	5.226.623.705	8.379.128.825
Tại 31/12/2012	2.388.219.604	3.819.466.521	6.207.686.125

5.8 Tài sản cố định vô hình

DVT: VND

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm tin học	TSCĐ vô hình khác	Tổng
NGUYÊN GIÁ				
Số dư tại 01/01/2012	202.570.451	1.154.448.037	123.000.000	1.480.018.488
Tăng trong năm	-	68.244.000	-	68.244.000
Mua trong năm	-	68.244.000	-	68.244.000
Giảm trong năm	-	-	123.000.000	123.000.000
Giảm thanh lý	-	-	123.000.000	123.000.000
Số dư tại 31/12/2012	202.570.451	1.222.692.037	-	1.425.262.488
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư tại 01/01/2012	58.288.153	480.050.460	15.375.000	553.713.613
Tăng trong năm	10.513.278	193.477.774	-	203.991.052
Khấu hao trong năm	10.513.278	193.477.774	-	203.991.052
Giảm trong năm	-	-	15.375.000	15.375.000
Giảm thanh lý	-	-	15.375.000	15.375.000
Số dư tại 31/12/2012	68.801.431	673.528.234	-	742.329.665
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại 01/01/2012	144.282.298	674.397.577	107.625.000	926.304.875
Tại 31/12/2012	133.769.020	549.163.803	-	682.932.823

5.9 Xây dựng cơ bản dở dang

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Tại ngày 01 tháng 01	2.385.751.626.166	1.606.534.496.562
Tăng	1.243.677.963.003	1.410.138.913.893
Giảm trong năm		
- Kết chuyển tài sản cố định	750.061.705.391	4.812.175.982
- Kết chuyển chi phí	1.006.305.307.208	626.109.608.307
Tại ngày 31 tháng 12	1.873.062.576.570	2.385.751.626.166

Chi tiết công trình

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Dự án khu Pháp Vân	26.500.313.208	19.380.541.755
Dự án đầu tư BOT Quốc lộ 10	6.658.988.057	304.321.375.787
Dự án đầu tư BOT Quốc lộ 21	-	356.689.728.226
Dự án đầu tư BT Quốc lộ 21	601.675.123.239	582.046.154.592
Đường Lê Đức Thọ	342.056.386.303	303.955.583.184
Dự án rác thải	1.876.488.843	1.848.690.817
Dự án thủy điện	1.616.199.622	1.616.199.622
Dự án Xuân Phương		
- Dự án Đơn vị ở số 1	8.894.504.143	8.678.542.226
- Dự án Đơn vị ở số 2	135.299.663.288	94.122.732.146
- Dự án Đơn vị ở số 3	350.545.473.383	345.362.653.651
Dự án Khu đô thị mới Vân Canh - Hoài Đức	297.289.432.328	361.625.392.677
Dự án Khu đất 48 Trần Duy Hưng	1.324.404.692	1.268.708.973
Dự án hiện đại hóa trạm thu phí Tân Đệ	-	366.136.684
Dự án BT Sông Om	1.615.217.617	1.482.526.254
Trụ sở VP, khu tập thể CBCNV Nam Thái	4.569.878.285	2.802.945.785
Dự án Đường tỉnh lộ 39	92.948.973.656	-
Các dự án khác	191.529.906	183.713.787
Tổng	1.873.062.576.570	2.385.751.626.166

5.10 Đầu tư vào Công ty liên kết

	31/12/2012		01/01/2012	
	Số lượng CP	Giá trị VND	Số lượng CP	Giá trị VND
1. Công ty CP Bất động sản Thái An	1.385.000	12.194.324.558	1.385.000	13.937.851.832
2. Công ty CP Tasco Thăng Long	180.000	1.787.084.692	180.000	1.780.877.946
3. Công ty CP Tasco Trường Phát	224.000	2.303.232.670	224.000	2.265.783.526
4 Công ty CP ĐT & XD Trường Giang	180.000	2.567.410.286	180.000	2.897.933.445
5. Công ty CP ĐT và XD Tiến Phát	105.000	1.128.999.224	105.000	1.053.182.887
6. Công ty CP D.Tech	200.000	1.692.602.561	200.000	1.870.832.537
Tổng	2.274.000	21.673.653.991	2.274.000	23.806.462.173

Thông tin chi tiết về Công ty liên kết của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 như sau:

STT	Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Vốn điều lệ (tr đồng)	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Hoạt động chính
1	Công ty CP Bất động sản Thái An	Hà Nội	200.000	30,00%	Xây lắp
2	Công ty CP Tasco Thăng Long	Hà Nội	6.000	30,00%	Xây lắp
3	Công ty CP Tasco Trường Phát	Nam Định	7.790	28,75%	Xây lắp
4	Công ty CP ĐT và XD Trường Giang	Hà Nội	6.000	30,00%	Xây lắp
5	Công ty CP ĐT và XD Tiến Phát	Nam Định	5.000	21,00%	Xây lắp
6	Công ty CP D.Tech	Hà Nội	10.000	20,00%	Xây lắp

5.11 Đầu tư dài hạn khác

	31/12/2012		01/01/2012	
	Số lượng CP	Giá trị VND	Số lượng CP	Giá trị VND
1. Công ty CP Tasco Du lịch	5.000	50.000.000	5.000	50.000.000
2. Công ty CP ĐT PT Nhà và Đô thị HUD8	450.000	4.500.000.000	450.000	4.500.000.000
3. Công ty CP Xây dựng cầu TASCOT	30.000	300.000.000	30.000	300.000.000
4. Công ty Cổ phần TIC	133.000	1.330.000.000	133.000	1.330.000.000
5. Công ty CP Tasco 3	66.000	660.000.000	66.000	660.000.000
6. Tiền gửi dài hạn ngân hàng	-	16.401.000.000	-	-
Tổng	684.000	23.241.000.000	684.000	6.840.000.000

5.12 Chi phí trả trước dài hạn

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Tại ngày 01 tháng 01	15.807.933.426	4.116.497.998
Tăng	7.661.184.449	37.842.094.280
Phân bổ vào chi phí trong năm	15.961.243.115	26.150.658.852
Tại ngày 31 tháng 12	7.507.874.760	15.807.933.426

Chi tiết chi phí

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Chi phí in vé Trạm thu phí Tân Đệ	226.152.376	193.019.824
Chi phí in vé Trạm thu phí Mỹ Lộc	111.309.327	143.024.366
Lãi trái phiếu trả trước	-	12.562.271.917
Công cụ dụng cụ, chi phí khác	7.170.413.057	2.489.162.766
Trả trước thuê phòng thí nghiệm 20 năm	-	420.454.553
Tổng	7.507.874.760	15.807.933.426

5.13 Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Vay ngắn hạn		
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Nam Định	288.014.074.353	263.325.024.210
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Nam Hà Nội	88.029.874.205	104.604.658.216
- Ngân hàng TMCP An Bình - CN Hà Nội	102.723.458.366	55.872.029.538
- Ngân hàng TMCP Dầu khí - CN Thăng Long	5.100.000.000	69.067.617.812
- Ngân hàng NN & PTNT Thái Bình	57.529.338.088	22.686.006.312
- Ngân hàng TMCP hàng hải Việt Nam - CN Nam Định	15.767.123.853	3.556.874.476
- Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - CN Bắc Ninh	5.190.730.114	990.337.856
- Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN Mỹ Đình	5.247.924.727	1.012.500.000
- Vay đối tượng khác	-	980.000.000
Nợ dài hạn đến hạn trả	8.425.625.000	4.555.000.000
Tổng	2.828.876.831	2.463.550.936
	290.842.951.184	265.788.575.146

5.13 Vay và nợ ngắn hạn (Tiếp theo)

Trong đó:

Các khoản vay ngắn hạn Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Định: theo Hợp đồng tín dụng hạn mức năm 2012 số 01/2012/HĐ ngày 27/08/2012, mức dư nợ tối đa là 162.000.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi hai tỷ đồng). Giới hạn tín dụng được duy trì đến ngày 30/06/2013. Mục đích sử dụng tiền vay bổ sung vốn lưu động phục vụ thi công, thời hạn vay theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể có thời hạn dưới 1 năm, lãi suất cho vay xác định trong từng hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể theo chế độ lãi suất của ngân hàng theo từng thời kỳ. Các hợp đồng vay này được đảm bảo bằng tài sản của Công ty.

Các khoản vay ngắn hạn Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Hà Nội theo Hợp đồng tín dụng hạn mức năm 2012 số 01/2012/HĐTD ngày 18/07/2012, mức dư nợ tối đa là 132.000.000.000 đồng (Một trăm ba mươi hai tỷ đồng). Giới hạn tín dụng được duy trì đến ngày 30/06/2013. Mục đích sử dụng tiền vay bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể có thời hạn dưới 1 năm, lãi suất cho vay xác định trong từng hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể theo chế độ lãi suất của ngân hàng theo từng thời kỳ. Các hợp đồng vay này được đảm bảo bằng tài sản của Công ty.

Các khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Hà Nội (ABBANK) theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 67.12.01/HĐHM/II.20 ngày 14/09/2012, mức dư nợ tối đa là 70.000.000.000 đồng (Bảy mươi tỷ đồng). Mục đích sử dụng tiền vay bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay của mỗi món vay được ghi trên giấy nhận nợ không quá 10 tháng. Lãi suất cho vay được quy định cụ thể trong từng giấy nhận nợ tại thời điểm nhận nợ. Biện pháp đảm bảo nghĩa vụ trả nợ vay: Công ty cam kết cầm cố/thế chấp cho ngân hàng quyền phải thu từ các hợp đồng thi công xây dựng các công trình.

Các khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Dầu khí - Chi nhánh Thăng Long: theo Hợp đồng tín dụng ngắn hạn hạn mức số 0008/HĐTDHM-GPBT/LG/12 ngày 27 tháng 04 năm 2012 của Hội đồng tín dụng cấp cao Ngân hàng Dầu khí Toàn cầu, mức dư nợ tối đa là 60.000.000.000 đồng (Sáu mươi tỷ đồng). Mục đích sử dụng tiền vay bổ sung vốn lưu động. Lãi suất cho vay được xác định trong từng kế ước nhận nợ cụ thể theo chế độ lãi suất của ngân hàng trong từng thời kỳ. Biện pháp đảm bảo nghĩa vụ trả nợ vay: Công ty thế chấp các khoản phải thu/quyền đòi nợ khách hàng của Công ty; toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi sản xuất kinh doanh bằng VND và ngoại tệ của Công ty tại ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác; các khoản thu theo các hợp đồng kinh tế được ký kết giữa Công ty và các đối tác khác mà Công ty là người thụ hưởng.

Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Mỹ Đình: Các khoản vay theo Thông báo số 26/TB-MB-MĐI ngày 27/03/2012, mức dư nợ tối đa là 60.000.000.000 đồng (Sáu mươi tỷ đồng). Giới hạn tín dụng được duy trì đến hết ngày 31/03/2013. Mục đích sử dụng tiền vay bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay 9 tháng/kế ước, lãi suất cho vay xác định trong từng kế ước nhận nợ cụ thể theo chế độ lãi suất của ngân hàng theo từng thời kỳ. Các hợp đồng vay này được đảm bảo bằng các khoản phải thu và giá trị thực hiện chưa nghiệm thu của các công trình do Ngân hàng TMCP Quân Đội tài trợ.

5.14 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	5.581.985.361	14.455.632.263
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.763.244.197	6.562.673.141
Thuế thu nhập cá nhân	329.440.925	1.870.629.198
Các loại thuế khác	-	61.632.914
Tổng	10.674.670.483	22.950.567.516

5.15 Chi phí phải trả

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Trích trước chi phí giá vốn dịch vụ thu phí đường bộ	-	35.784.306.096
Trích trước chi phí giá vốn Khu đô thị Xuân Phương	406.697.661	9.031.299.392
Trích trước giá vốn Dự án Khu đô thị mới Vân Canh	10.922.979.092	5.117.717.915
Lãi trái phiếu HUT trả sau	19.316.005.480	-
Trích trước giá vốn Dự án BT 39	536.866.196	8.129.770.412
Chi phí phải trả khác	3.657.013.462	2.819.186.392
Tổng	34.839.561.891	60.882.280.207

5.16 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	885.429.460	1.227.996.328
Bảo hiểm xã hội	258.352.361	227.739.756
Bảo hiểm y tế	41.811.394	-
Bảo hiểm thất nghiệp	18.304.545	15.238.110
Các khoản phải trả, phải nộp khác	270.087.204.718	201.180.236.956
- <i>Đội thi công công trình đầu tư XD cơ bản dở dang</i>	<i>31.730.583.518</i>	<i>20.600.317.783</i>
- <i>Đội thi công công trình xây lắp</i>	<i>226.241.846.639</i>	<i>129.568.624.347</i>
- <i>Cổ tức phải trả</i>	<i>3.998.855.800</i>	<i>-</i>
- <i>Các khoản khác</i>	<i>8.115.918.761</i>	<i>51.011.294.826</i>
Tổng	271.291.102.478	202.651.211.150

5.17 Phải trả dài hạn khác

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Công ty Cổ phần Bắc Phương	185.500.000.000	150.000.000.000
Công ty CP Tư vấn Đầu tư XD Hà Việt	459.475.300.000	459.475.300.000
Phải trả dài hạn khác	289.570.760.954	362.118.710.954
Tổng	934.546.060.954	971.594.010.954

5.18 Vay và nợ dài hạn

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Vay dài hạn	1.522.612.034.294	1.734.179.454.922
Vay ngân hàng	1.470.741.734.294	1.642.209.154.922
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - chi nhánh Nam Định	612.295.247.350	752.522.853.772
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam chi nhánh Nam Hà Nội	13.284.832.409	22.817.406.409
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam chi nhánh Nam Định	402.841.000.000	403.593.000.000
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Sở Giao dịch I	173.713.054.230	147.637.734.230
- Ngân hàng TM Cổ phần Á Châu	62.360.000	187.400.000
- Ngân hàng TMCP Dầu khí - CN Thăng Long	668.600.000	1.370.200.000
- Ngân hàng TMCP An Bình- CN Hà Nội	-	203.000.000
- Ngân hàng TMCP Kỹ thương VN - CN Nam Định	1.199.416.685	2.040.888.891
- Ngân hàng TMCP Kỹ thương VN - PGD Xuân La	-	92.729.220
- Ngân hàng TMCP Kỹ thương VN Linh Đàm	21.611.220	133.330.000
- Ngân hàng NN & PTNT Thái Bình (*)	160.437.593.400	204.792.593.400
- Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - CN Bắc Ninh (*)	53.400.000.000	54.000.000.000
- Ngân hàng TMCP hàng hải Việt Nam - CN Nam Định (*)	52.818.019.000	52.818.019.000
Vay đối tượng khác	51.870.300.000	91.970.300.000
Trái phiếu phát hành	159.510.000.000	175.005.000.000
Nợ dài hạn	1.609.119.743	4.054.708.565
Thuê tài chính	1.609.119.743	4.054.708.565
Tổng	1.683.731.154.037	1.913.239.163.487

Trong đó:

Các khoản vay dài hạn Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Định:

Hợp đồng số 11/2008/HĐTĐĐT tháng 9 năm 2009, số tiền vay tối đa 255.000.000.000 đồng, thời hạn vay 15 năm, thời gian ân hạn tối đa 36 tháng kể từ khi giải ngân khoản vay đầu tiên nhưng không vượt quá thời gian xây dựng của dự án, mục đích sử dụng tiền vay thực hiện dự án: Đầu tư xây dựng tuyến tránh thành phố Nam Định từ thị trấn Mỹ Lộc đến Quốc lộ 10, lãi suất bằng lãi suất tín dụng đầu tư của Nhà nước theo quy định của ngân hàng phát triển Việt Nam trong từng thời kỳ.

Hợp đồng số 10/2008/HĐTĐĐT ngày 20/8/2008, số tiền vay tối đa 236.780.000.000 đồng, thời hạn vay 15 năm, thời gian trả nợ gốc 13 năm, thời gian ân hạn 2 năm kể từ khi giải ngân khoản vay đầu tiên nhưng không vượt quá thời gian xây dựng của dự án, mục đích sử dụng tiền vay thực

hiện dự án: Cải tạo, nâng cấp quốc lộ 10 (Km92+900-Km 98+400) đoạn từ cầu La Uyên đi cầu Tân Đệ - huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình theo hình thức BOT, lãi suất bằng lãi suất tín dụng đầu tư của Nhà nước theo quy định của ngân hàng phát triển Việt Nam trong từng thời kỳ.

5.18 Vay và nợ dài hạn

Khoản vay dài hạn Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Hà Nội:

Hợp đồng số 01/2008/HĐTĐTH ngày 19/11/2008, số tiền vay tạm tính (gồm cả tiền Việt Nam và ngoại tệ quy đổi) 33.820.000.000 đồng, thời hạn vay 7 năm, thời gian trả nợ gốc 5 năm, thời gian ân hạn 2 năm kể từ khi giải ngân khoản vay đầu tiên nhưng không vượt quá thời gian xây dựng của dự án, mục đích sử dụng tiền vay: "Cải tạo, nâng cấp quốc lộ 10 (Km92+900-Km 98+400) đoạn từ cầu La Uyên đi cầu Tân Đệ - huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình", lãi suất 03 tháng đầu tiên 15,8%/năm, lãi suất thay đổi 03 tháng một lần. Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng dài hạn số 01/2008/HĐTĐTH ngày 19/11/2008, trong đó ghi: sửa đổi điều kiện rút vốn vay, điều khoản trả nợ gốc.

Hợp đồng số 01/2010/PLHĐ ngày 16 tháng 12 năm 2010 và Phụ lục Hợp đồng số 01/2013/PLHĐ ngày 24/01/2013 bổ sung hợp đồng tín dụng dài hạn số 01/2008/HĐTĐTH ngày 19/11/2008, sửa đổi điều kiện rút vốn vay, điều khoản trả nợ gốc.

Khoản vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Sở Giao dịch I theo hợp đồng số 01/2009 ngày 27/3/2009 và Phụ lục hợp đồng số 01.01/2010/HĐSĐTĐĐT/NHPT.SGDI và Hợp đồng tín dụng sửa đổi bổ sung số 05.01/2013/HĐSĐBS-NHPT-SGDI ngày 30/1/2013, bổ sung Hợp đồng tín dụng đầu tư số 01/2009, số tiền vay tạm tính 313.000.000.000 đồng, thời hạn vay 61 tháng, thời gian ân hạn 34 tháng, mục đích sử dụng tiền vay: Đầu tư tuyến đường từ đường Lê Đức Thọ đến Khu đô thị mới Xuân Phương (điểm cuối giao với đường 70), lãi suất bằng lãi suất tín dụng đầu tư của Nhà nước theo quy định của ngân hàng phát triển Việt Nam trong từng thời kỳ.

Các khoản vay dài hạn Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Định:

Hợp đồng số 01/2008/HĐ ngày 26 tháng 12 năm 2008, số tiền vay tối đa 36.348.000.000 đồng, thời hạn vay 150 tháng, thời gian ân hạn tối đa 30 tháng kể từ khi giải ngân khoản vay đầu tiên nhưng không vượt quá thời gian xây dựng của dự án, mục đích sử dụng tiền vay thực hiện dự án: Đầu tư xây dựng tuyến tránh thành phố Nam Định từ thị trấn Mỹ Lộc đến Quốc lộ 10. Lãi suất vay áp dụng lãi suất cho vay thả nổi tại thời điểm giải ngân với mức lãi suất theo thông báo của ngân hàng và điều chỉnh 6 tháng/1 lần chi tiết theo các khoản giải ngân.

(*): Đây là các khoản vay dài hạn thực hiện dự án "Đầu tư xây dựng công trình cải tạo nâng cấp đường 39B đoạn từ Thị trấn Thanh Nê - Huyện Kiến Xương đến thị trấn Diêm Điền - Huyện Thái Thụy - tỉnh Thái Bình": Theo Hợp đồng tín dụng số 09/HĐTĐ ngày 11/11/2010 ký giữa Ngân hàng NN & PTNT Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình, Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam - Chi nhánh Nam Định, Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Chi nhánh Bắc Ninh và Công ty CP Tasco, Công ty Cổ phần Tasco Nam Thái (doanh nghiệp dự án): Trước ngày kết thúc kỳ hạn rút vốn, các bên cho vay đồng ý cấp cho bên vay mỗi khoản vay có thời hạn vay tối đa 54 tháng (vay trung hạn) bằng đồng Việt Nam với tổng số tiền gốc tối đa không vượt quá 500.000.000.000 đồng (Tỷ lệ Ngân hàng NN & PTNT VN - Chi nhánh Thái Bình: 300.000.000.000 đồng, Ngân hàng TMCP Hàng hải VN - Chi nhánh Nam Định: 100.000.000.000 đồng, Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Chi nhánh Bắc Ninh: 100.000.000.000 đồng).

Trái phiếu phát hành: Nghị quyết Hội đồng quản trị số 02/NQ-HĐQT ngày 26 tháng 04 năm 2012 phát hành tối đa 350.000 trái phiếu chuyển đổi năm 2012. Kết quả đợt chào bán trái phiếu đợt 1 năm 2012 trái phiếu HUT-CB2012, tổng số trái phiếu đã phân phối 159.510 trái phiếu, mệnh giá 1.000.000 đồng/trái phiếu. Mục đích: Đầu tư vào các dự án: Dự án đơn vị ở số 3 và đơn vị ở số 2 - Khu đô thị mới Xuân Phương; Dự án khu nhà ở Báo Nhân dân và Văn phòng Trung ương Đảng và bổ sung vốn lưu động của Công ty.

5.19 Vốn chủ sở hữu

a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	<i>DVT: VND</i>						
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2011	349.976.000.000	72.292.032.987	6.201.950.511	2.579.683.293	34.825.326	29.446.804.304	460.531.296.421
Tăng trong năm	-	-	12.980.747.413	4.030.328.105	-	87.196.893.105	104.207.968.623
Phân phối lợi nhuận	-	-	12.980.747.413	4.030.328.105	-	-	17.011.075.518
Lãi	-	-	-	-	-	87.196.893.105	87.196.893.105
Giảm trong năm	-	35.000.000	-	-	34.825.326	36.124.415.556	36.194.240.882
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	36.124.415.556	36.124.415.556
Giảm khác	-	35.000.000	-	-	-	-	35.000.000
Phân loại lại	-	-	-	-	34.825.326	-	34.825.326
Số dư tại 31/12/2011	349.976.000.000	72.257.032.987	19.182.697.924	6.610.011.398	-	80.519.281.853	528.545.024.162
Số dư tại 01/01/2012	349.976.000.000	72.257.032.987	19.182.697.924	6.610.011.398	-	80.519.281.853	528.545.024.162
Tăng trong năm	-	-	12.791.757.991	5.261.852.939	-	36.810.734.675	54.864.345.605
Phân phối lợi nhuận	-	-	12.791.757.991	5.261.852.939	-	-	18.053.610.930
Lãi	-	-	-	-	-	36.810.734.675	36.810.734.675
Giảm trong năm	-	35.000.000	-	-	-	26.494.944.311	26.529.944.311
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	26.467.931.211	26.467.931.211
Giảm khác	-	35.000.000	-	-	-	27.013.100	62.013.100
Số dư tại 31/12/2012	349.976.000.000	72.222.032.987	31.974.455.915	11.871.864.337	-	90.835.072.217	556.879.425.456

5.19 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

b. Chi tiết vốn chủ sở hữu

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị	45.244.800.000	45.244.800.000
Vốn góp của cổ đông khác	304.731.200.000	304.731.200.000
Tổng	349.976.000.000	349.976.000.000

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại đầu năm	349.976.000.000	349.976.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp tại cuối năm	349.976.000.000	349.976.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	24.498.320.000

d. Cổ phiếu

	Năm 2012	Năm 2011
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	34.997.600	34.997.600
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Số lượng cổ phiếu chưa lưu hành	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	34.997.600	34.997.600
Cổ phiếu phổ thông	34.997.600	34.997.600

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phiếu

5.20 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Doanh thu xây lắp	1.733.309.121.852	1.103.166.869.157
Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	103.350.955.636	155.048.297.605
Doanh thu Bất động sản	249.417.023.701	276.549.087.248
Tổng	2.086.077.101.189	1.534.764.254.010
Các khoản giảm trừ doanh thu	10.555.282.068	48.934.752.428
Giảm giá hàng bán	10.325.943.497	9.951.053.613
Hàng bán bị trả lại	229.338.571	38.983.698.815
Doanh thu thuần	2.075.521.819.121	1.485.829.501.582

5.21 Giá vốn hàng bán

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Giá vốn xây lắp	1.687.781.061.892	1.006.196.740.439
Giá vốn bán hàng, dịch vụ	69.447.333.311	121.384.223.496
Giá vốn Bất động sản	221.717.866.094	191.903.386.006
Tổng	1.978.946.261.297	1.319.484.349.941

5.22 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	15.608.328.405	22.645.091.986
Cổ tức, lợi nhuận được chia	729.884.000	837.860.000
Doanh thu hoạt động tài chính khác	608.857.378	41.413.851
Tổng	16.947.069.783	23.524.365.837

5.23 Chi phí tài chính

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Lãi tiền vay	9.617.266.493	20.663.279.882
Chi phí hoạt động tài chính khác	113.634.765	1.150.978.456
Tổng	9.730.901.258	21.814.258.338

5.24 Lợi nhuận khác

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Thu nhập khác		
Thanh lý tài sản	1.373.328.436	1.793.387.879
Bán vật tư	107.028.000	-
Thu nhập khác	713.725.711	2.867.495.315
Tổng	2.194.082.147	4.660.883.194
Chi phí khác		
Giá trị còn lại của tài sản	1.870.498.093	776.036.824
Chi phí khác	4.271.544.351	1.938.205.191
Tổng	6.142.042.444	2.714.242.015
Thu nhập khác/chi phí khác (thuần)	(3.947.960.297)	1.946.641.179

5.25 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Lợi nhuận/ (Lỗ) trước thuế	47.455.924.910	125.687.748.279
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	5.549.211.598	12.342.490.926
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	1.041.884.000	1.782.610.000
Thu nhập chịu thuế	51.963.252.508	136.247.629.205
Trong đó:		
- Thu nhập chịu thuế của hoạt động thu phí đường bộ	21.810.522.742	24.026.214.926
Thuế suất Thuế thu nhập doanh nghiệp	0,25	0,25
Thuế thu nhập doanh nghiệp	9.902.806.577	24.822.081.078
Thuế thu nhập theo thuế suất thông thường	12.990.813.127	34.061.907.301
Giảm 50% thuế TNDN phải nộp đối với hoạt động thu phí đường bộ	(2.726.315.342)	(3.003.276.865)
Giảm thuế TNDN phải nộp khác	(361.691.208)	(6.236.549.358)
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	9.902.806.577	24.822.081.078

Thu nhập chịu thuế của hoạt động thu phí đường bộ: được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 02 năm kể từ năm 2009 và giảm 50% cho 03 năm tiếp theo theo Công văn số 3429/BTC-CST ngày 19/3/2010 của Bộ Tài chính.

Năm 2012, Thuế TNDN được miễn giảm 30 % theo Nghị định số 60/2012/NĐ-CP ngày 30/07/2012 của Chính phủ, Thông tư hướng dẫn số 140/2012/TT-BTC ngày 21 tháng 8 năm 2012 của Bộ Tài chính.

5.26 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2012	Năm 2011
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	37.947.432.022	100.865.667.201
Lợi ích của cổ đông thiểu số	1.136.697.347	13.668.774.096
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông công ty Mẹ sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	36.810.734.675	87.196.893.105
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)	34.997.600	34.997.600
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	1.052	2.492

5.27 Chi phí thuế TNDN hoãn lại

	Năm 2012 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	(394.313.689)
Tổng	(394.313.689)

5.28 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	298.977.149.972	394.119.783.116
Chi phí nhân công	155.635.430.970	95.553.416.719
Chi phí khấu hao tài sản cố định	12.770.164.525	10.332.618.378
Chi phí dịch vụ mua ngoài	589.274.551.130	524.378.470.777
Chi phí khác bằng tiền	28.822.636.972	264.590.808.788
Tổng	1.085.479.933.569	1.288.975.097.778

6. THÔNG TIN KHÁC

6.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan
Các giao dịch với nhân sự chủ chốt và cổ đông

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	31/12/2012	
			VND	
Ông Phạm Quang Dũng	Chủ tịch	Trái chủ	19.225.000.000	
Ông Phạm Văn Lương	Phó Chủ tịch	Trái chủ	10.000.000.000	
Ông Vũ Quang Lâm	Ủy viên	Trái chủ	16.875.000.000	
Bà Phạm Thị Nhân	Ủy viên	Trái chủ	6.250.000.000	
			Năm 2012	Năm 2011
			VND	VND
Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành		Lương, thưởng và thù lao	3.209.439.735	3.152.110.335

Giao dịch với các bên liên quan khác

Bên liên quan	Mối quan hệ	Năm 2012	Năm 2011
		VND	VND
Giao dịch mua hàng			
Công ty CP Bất động sản Thái An	Công ty liên kết	7.621.648.976	52.007.737.959
Công ty CP Tasco Trường Phát	Công ty liên kết	16.930.757.373	28.669.488.262
Công ty CP ĐT và XD Tiên Phát	Công ty liên kết	3.198.555.702	2.253.280.409
Giao dịch bán hàng			
Công ty CP Bất động sản Thái An	Công ty liên kết	1.086.915.152	114.755.499.556
Công ty CP Tasco Trường Phát	Công ty liên kết	78.200.000	-
Công ty CP ĐT và XD Tiên Phát	Công ty liên kết	18.181.818	-

Số dư với các bên liên quan

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
1. Các khoản phải thu	142.454.278.265	160.885.553.156
Phải thu khách hàng		
Công ty CP Bất động sản Thái An	132.102.200.000	131.486.800.000
Trả trước cho người bán		
Công ty CP Tasco Trường Phát	-	8.913.334.739
Công ty CP ĐT và XD Tiên Phát	10.352.078.265	20.485.418.417
2. Các khoản phải trả	1.721.729.644	5.160.937.000
Phải trả người bán		
Công ty CP Bất động sản Thái An	1.721.729.644	5.160.937.000
Công ty CP Tasco Trường Phát	2.954.478.371	

6.2 Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Thông tin bổ sung về thanh lý công ty con:

Công ty con được thanh lý: Công ty Cổ phần Tasco Thủ Đô

Khoản tiền thuần thanh lý công ty con: (155.072.778) đồng

Phần giá trị tài sản và nợ phải trả không phải là tiền và các khoản tương đương tiền trong công ty con được thanh lý trong năm:

	Số tiền VND
Tổng tài sản	374.376.414
Nợ phải trả ngắn hạn	293.854.791

6.3 Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

6.4 Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Công ty lập báo cáo bộ phận theo 03 bộ phận phân theo lĩnh vực kinh doanh gồm: Xây lắp và hoạt động khác, Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản, Bán hàng và Dịch vụ thu phí đường bộ.

Tài sản bộ phận và nợ bộ phận tại ngày 01 tháng 01 năm 2012

DVT: VND

	Xây lắp và hoạt động khác	Đầu tư, kinh doanh BĐS	Dịch vụ thu phí đường bộ	Tổng
TÀI SẢN				-
Tài sản cố định	19.311.378.612	3.316.528.644	-	22.627.907.256
Tài sản cố định không thể phân bổ	-	-	-	30.596.724.160
Xây dựng cơ bản dở dang	-	2.385.751.626.166	-	2.385.751.626.166
Các khoản phải thu	301.268.776.001	1.117.344.818.086	-	1.418.613.594.087
Hàng tồn kho	212.041.860.208	-	-	212.041.860.208
Tài sản ngắn hạn, dài hạn khác	14.772.588.151	11.933.742.896	-	26.706.331.047
Tài sản không thể phân bổ	-	-	-	325.998.542.291
Tổng tài sản				4.422.336.585.215
NỢ PHẢI TRẢ				
Các khoản phải trả	397.732.117.750	1.249.738.713.935	35.851.571.749	1.683.322.403.434
Phải trả tiền vay	926.629.479.363	1.071.945.897.416	-	1.998.575.376.779
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	161.034.957.647
Tổng nợ phải trả				3.842.932.737.860

6.4 Báo cáo bộ phận (Tiếp theo)

Báo cáo kết quả bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

ĐVT: VND

	Xây lắp và hoạt động khác	Đầu tư, kinh doanh BĐS	Dịch vụ thu phí đường bộ	Tổng
DOANH THU				
Tổng doanh thu	1.217.544.879.488	276.549.087.248	40.670.287.274	1.534.764.254.010
Giảm trừ doanh thu	(9.951.053.613)	(38.983.698.815)	-	(48.934.752.428)
Doanh thu thuần	1.207.593.825.875	237.565.388.433	40.670.287.274	1.485.829.501.582
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG				
Kết quả bộ phận	46.665.856.899	54.995.676.465	24.026.214.915	125.687.748.279
Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.684.018.238	14.134.785.976	3.003.276.864	24.822.081.078
Lợi nhuận trong năm				100.865.667.201

6.4 Báo cáo bộ phận (Tiếp theo)

Tài sản bộ phận và nợ bộ phận tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

DVT: VND

	Xây lắp và hoạt động khác	Đầu tư, kinh doanh BĐS	Dịch vụ thu phí đường bộ	Tổng
TÀI SẢN				
Tài sản cố định	16.466.586.618	2.510.126.028	699.137.448.722	718.114.161.368
Tài sản cố định không thể phân bổ	-	-	-	27.536.412.812
Xây dựng cơ bản dở dang	-	1.873.062.576.570	-	1.873.062.576.570
Các khoản phải thu	335.026.222.823	742.686.462.816	-	1.077.712.685.639
Hàng tồn kho	237.783.119.484	-	-	237.783.119.484
Tài sản ngắn hạn, dài hạn khác	86.235.464.728	41.618.140.670	337.461.703	128.191.067.101
Tài sản không thể phân bổ	-	-	-	105.470.169.599
Tổng tài sản				4.167.870.192.573
NỢ PHẢI TRẢ				
Các khoản phải trả	493.258.891.407	1.081.070.145.450	-	1.574.329.036.857
Phải trả tiền vay	251.078.924.962	1.718.883.609.251	-	1.969.962.534.213
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	11.908.571.507
Tổng nợ phải trả				3.556.200.142.577

6.4 Báo cáo bộ phận (tiếp theo)

Báo cáo kết quả bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

DVT: VND

	Xây lắp và hoạt động khác	Đầu tư, kinh doanh BĐS	Dịch vụ thu phí đường bộ	Tổng
DOANH THU				
Tổng doanh thu	1.790.671.857.488	249.643.250.974	45.761.992.727	2.086.077.101.189
Giảm trừ doanh thu	(10.325.943.497)	(229.338.571)	-	(10.555.282.068)
Doanh thu thuần	1.780.345.913.991	249.413.912.403	45.761.992.727	2.075.521.819.121
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG				
Kết quả bộ phận	8.288.355.470	17.751.360.387	21.810.522.742	47.850.238.599
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.300.331.982	4.876.159.252	2.726.315.343	9.902.806.577
Lợi nhuận trong năm				37.947.432.022

6.5 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 5.13 và số 5.18 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Các loại công cụ tài chính

	31/12/2012
	VND
Tài sản tài chính	
Tiền và các khoản tương đương tiền	63.446.806.706
Phải thu khách hàng và phải thu khác	755.959.200.489
Đầu tư ngắn hạn	5.077.309.615
Đầu tư dài hạn	23.241.000.000
Tổng	847.724.316.810
Công nợ tài chính	
Các khoản vay	1.974.574.105.221
Phải trả người bán và phải trả khác	1.383.760.142.477
Chi phí phải trả	34.839.561.891
Tổng	3.393.173.809.589

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính hợp nhất Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính hợp nhất Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty không có các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó Công ty không chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả và trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

31/12/2012	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Các khoản vay	290.842.951.184	1.683.731.154.037	1.974.574.105.221
Phải trả người bán và phải trả khác	449.214.081.523	934.546.060.954	1.383.760.142.477
Chi phí phải trả	34.839.561.891	-	34.839.561.891

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2012	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	63.446.806.706	-	63.446.806.706
Phải thu khách hàng và phải thu khác	755.959.200.489	-	755.959.200.489
Đầu tư ngắn hạn	5.077.309.615	-	5.077.309.615
Đầu tư dài hạn	-	23.241.000.000	23.241.000.000

6.6 Số liệu so sánh

Là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được kiểm toán.

Nơi nhận:

- UBCK Nhà nước
- Sở GD&ĐT Hà Nội
- HĐQT (để báo cáo)
- Website Công ty
- Lưu VT, Tài chính.



Cao Văn Hưng